[Tổng hợp các bài tập tình huống Luật hình sự có lời giải](http://hocluat.vn/tong-hop-cac-bai-tap-tinh-huong-luat-hinh-su-co-loi-giai/) 

***Dưới đây là một bài tập hình huống hình sự thông dụng, thường gặp trong các đề thi học phần của các trường Đại học Luật, các bạn nên tham khảo.***

*Tài liệu chỉ mang tính chất tham khảo được biên soạn bởi các Thành viên của* [*Hocluat.vn*](https://hocluat.vn/)

## ****Tình huống 0: Tội phạm****

V là người buôn bán ma túy chuyên nghiệp đã thuê G với số tiền 500 nghìn đồng để G (15 tuổi) giúp vận chuyển số Heroin  từ chợ về nhà V. Số Heroin được gói trong bọc quà sinh nhật. G đang mang từ chợ về nhà V thì bị công an bắt giữ. Lượng Heroin mà G vận chuyển nếu bị coi là [tội phạm](https://hocluat.vn/wiki/toi-pham/) có thể được xử lí theo khoản 2 Điều 194 BLHS.

**Câu hỏi:**

a. Ông H là Bố của G đến hỏi: hành vi vận chuyển ma túy của G cho V có bị coi là tội phạm hay không? (2 điểm)

b. Nếu hành vi của G bị coi là tội phạm thì con tôi có thể phải chịu mức [hình phạt](https://hocluat.vn/wiki/hinh-phat/) tù cao nhất là bao nhiêu năm tù? (1 điểm)

c. Hiện tại con tôi đang bị cơ quan Công an [tạm giữ](https://hocluat.vn/wiki/tam-giu/), vậy tôi phải làm gì để giúp con tôi sớm được về nhà? (2 điểm)

d. Giả định V đã bị [tạm giam](https://hocluat.vn/wiki/tam-giam/) về tội mua bán 2 bánh Heroin nhưng khi giám định thì số heroin đó hoàn toàn giả, ông F là bố của V đến tư vấn với câu hỏi “ V có bị [truy tố](https://hocluat.vn/wiki/truy-to/) về các tội liên quan đến ma túy” không? (2 điểm)

**Lời giải**

**1. Hành vi vận chuyển ma túy của G cho V có bị coi là tội phạm hay không?**

**Thứ nhất**, theo Điều 12 [Bộ Luật](https://hocluat.vn/wiki/bo-luat/) hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung 2009 có quy định:

**Điều 12. Tuổi chịu**[***trách nhiệm hình sự***](https://hocluat.vn/wiki/trach-nhiem-hinh-su/)

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.”

**Thứ hai**, theo căn cứ tại **Điều 194**[**Bộ Luật hình sự**](https://hocluat.vn/wiki/bo-luat-hinh-su/)**2009** sửa đổi, bổ sung về **Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy** có quy định:

**Điều 194: Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy**

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma tuý, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy  năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội nhiều lần;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

đ) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;

e) Sử dụng trẻ em vào việc phạm tội hoặc bán ma tuý cho trẻ em;

g) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ năm trăm gam đến dưới một kilôgam;

h) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ năm gam đến dưới ba mươi gam;

i) Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có trọng lượng từ mười kilôgam đến dưới hai mươi lăm kilôgam;

k) Quả thuốc phiện khô có trọng lượng từ năm mươi kilôgam đến dưới hai trăm kilôgam;

l) Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng từ mười kilôgam đến dưới năm mươi kilôgam;

m) Các chất ma tuý khác ở thể rắn có trọng lượng từ  hai mươi gam đến dưới một trăm gam;

n) Các chất ma tuý khác ở thể lỏng từ một trăm mililít đến dưới hai trăm năm mươi mililít;

o) Có từ hai chất ma tuý trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma tuý quy định tại một trong các điểm từ điểm g đến điểm n khoản 2 Điều này;

p) Tái phạm nguy hiểm

…

Lượng Heroin mà G vận chuyển nếu bị coi là tội phạm có thể được xử lí theo khoản 2 Điều 194 BLHS?

– Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy quy định khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự, vì khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là tội phạm rất nghiêm trọng và theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

– Người phạm tội thực hiện tội phạm trên với lỗi cố ý (là trường hợp người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra hoặc người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra).

Dựa theo phân tích trên thì G chị chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi cháu ý thức được hành vi của mình. Điều này chia ra làm hai trường hợp: Thứ nhất, nếu G không biết đó là ma túy mà chỉ đi vận chuyển vì muốn lấy tiền công thì G sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; Thứ hai, nếu G biết đó là ma túy mà vẫn đi vận chuyển thì G sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự vì G đã đủ các dấu hiệu để cấu thành tội vận chuyển trái phép ma túy.

**2. Nếu hành vi của G bị coi là tội phạm thì G có thể phải chịu mức hình phạt tù cao nhất là bao nhiêu năm** **tù?**

Tại**Khoản 2 Điều 74 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung 2009**có quy định như sau:

**Điều 74. Tù có thời hạn**

 Người chưa thành niên phạm tội chỉ bị phạt tù có thời hạn theo quy định sau đây:

…2. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười hai năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định

Như vậy, trong trường hợp này thì án phạt cao nhất mà G phải chịu sẽ **không vượt quá một phần hai mức phạt tù** theo quy định của [pháp luật](https://hocluat.vn/wiki/phap-luat/).

**3. Hiện tại con tôi đang bị cơ quan Công an tạm giữ, vậy tôi phải làm gì để giúp con tôi sớm được về nhà?**

Bạn có thể bảo lĩnh cho G để được về nhà. Tuy nhiên, phải thực hiện đúng những quy định về bảo lĩnh tại **Điều 92 Bộ**[**luật tố tụng hình sự**](https://hocluat.vn/luat-to-tung-hinh-su/) về điều kiện và thủ tục bảo lãnh, cụ thể như sau:

– Về [thẩm quyền](https://hocluat.vn/wiki/tham-quyen/) [quyết định](https://hocluat.vn/wiki/quyet-dinh/) cho [bị can](https://hocluat.vn/wiki/bi-can/), [bị cáo](https://hocluat.vn/wiki/bi-cao/) được bảo lĩnh: tùy vào giai đoạn điều tra, truy tố hoặc xét xử mà [Cơ quan điều tra](https://hocluat.vn/wiki/co-quan-dieu-tra/), Viện kiểm sát, [Tòa án](https://hocluat.vn/wiki/toa-an/) có thể quyết định cho bị can, bị cáo được bảo lĩnh.

– Người nhận bảo lĩnh có thể là:

+) [Cá nhân](https://hocluat.vn/wiki/ca-nhan/): phải có ít nhất 2 người, đều là người thân thích của bị can, bị cáo. Người thân thích bao gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột; cụ nội, cụ ngoại; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; cháu ruột mà họ là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của bị can bị cáo. Cá nhân nhận bảo lĩnh phải có tư cách, phẩm chất tốt, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

+) Tổ chức: tổ chức có thể nhận bảo lĩnh cho bị can, bị cáo là thành viên của tổ chức mình.

– Thủ tục bảo lĩnh:

+) Người bảo lĩnh nộp đơn xin bảo lĩnh tới cơ quan có thẩm quyền quyết định cho bị can, bị cáo được bảo lĩnh. Nếu là cá nhân bảo lĩnh thì đơn xin bảo lĩnh phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc. Nếu là tổ chức nhạn bảo lĩnh thì đơn xin bảo lĩnh phải có xác nhận của người đứng đầu tổ chức.

+) Cá nhân, tổ chức làm giấy cam đoan không để bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội và bảo đảm sự có mặt của bị can, bị cáo theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án.

– Trách nhiệm của người nhận bảo lĩnh khi vi phạm nghĩa vụ cam đoan: Cá nhân hoặc tổ chức nhận bảo lĩnh vi phạm nghĩa vụ đã cam đoan phải chịu trách nhiệm về nghĩa vụ đã cam đoan và trong trường hợp này bị can, bị cáo được nhận bảo lĩnh sẽ bị áp dụng [biện pháp ngăn chặn](https://hocluat.vn/wiki/bien-phap-ngan-chan/) khác.

**4. Giả định V đã bị tạm giam về tội mua bán 2 bánh Heroin nhưng khi giám định thì số heroin đó hoàn toàn giả, liệu “ V có bị truy tố về các tội liên quan đến ma túy” không?**

Theo hướng dẫn tại **tiểu mục 1.4 mục 1 phần I**[**Thông tư**](https://hocluat.vn/wiki/thong-tu/)**liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP** hướng dẫn **áp dụng một số quy định tại chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999**thì: “Trong mọi trường hợp, khi thu giữ được các chất nghi là chất ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưmg cầu giám định để xác định loại, hàm lượng, trọng lượng chất ma túy, tiền chất.***Nếu chất được giám định không phải là chất ma túy hoặc không phải là tiền chất dùng vào việc sản xuất trải phép chất ma túy nhưng người thực hiện hành vi ý thức rằng chất đó là chất ma túy hoặc chất đó là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, thì tùy hành vi phạm tội cụ thể mà trưy cứu trách nhiệm hình sự người đó theo tội danh quy định tại khoản 1 của điều luật tương ứng đối với các tội phạm về ma túy…***”

Thật vậy, trong trường hợp này, tuy không biết đó là ma túy giả nhưng V vẫn ý thức đó là ma túy đem đi buôn bán nên V vẫn sẽ bị truy cứu hình sự vì tội “mua bán ma túy trái phép” theo **Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung 2009.**

## ****Tình huống 1: Tội vô ý làm chết người****

X và P rủ nhau đi săn thú rừng, khi đi X và P mỗi người mang theo khẩu súng săn tự chế. Hai người thoả thuận người nào phát hiện có thú dữ, trước khi bắn sẽ huýt sáo 3 lần, nếu không thấy phản ứng gì sẽ bắn. Sau đó họ chia tay mỗi người một ngả. Khi X đi được khoảng 200 mét, X nghe có tiếng động, cách X khoảng 25 mét. X huýt sao 3 lần nhưng không nghe phản ứng gì của P. X bật đèn soi về phía có tiếng động thấy có ánh mắt con thú phản lại nên nhằm bắn về phía con thú. Sau đó, X chạy đến thì phát hiện P đã bị trúng đạn nhưng chưa chết hẳn. X vội đưa P đến trạm xá địa phương để cấp cứu, nhưng P đã chết trên đường đi.

**Câu hỏi:**

1. Xác định tội danh của X? (5 điểm)
2. Giả sử P không chết chỉ bị thương, tỷ lệ thương tật là 29%, X có phải chịu trách nhiệm hình sự không? Tại sao? (2 điểm)
3. Xác định tội anh của X?

**Lời giải**

**1. Xác định tội danh của X?**

Căn cứ vào tình huống đã cho thì X phạm tội vô ý làm chết người theo khoản 1 Điều 98 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009 quy định: “Người nào vô ý làm chết người thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm”

Phân tích CTTP của tội vô ý làm chêt người ta thấy X trong tình huống  trên đã thỏa mãn những dấu hiệu của tội này, đó là:

\*Chủ thể của tội phạm:

Chủ thể của tội vô ý làm chết người là chủ thể thường, là người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định. Trong khuôn khổ của tình huống đã cho thì là người có đủ năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định.

\*Khách thể của tội phạm:

Khách thể của tội vô ý làm chết người là quyền nhân thân, đây là một trong những khách thể quan trọng nhất được luật hình sự bảo vệ. Đó là quyền sống quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng. Đối tượng của tội này là những chủ thể có quyền được tôn trọng và bảo vệ về tính mạng. Đó là những người đang sống, những người đang tồn tại trong thế giới khách quan với tư cách là con người – thực thể tự nhiên và xã hội. Như vậy, trong tình huống trên X tước đoạt tính mạng của P, xâm phạm tới quan hệ nhân thân được luật hình sự bảo vệ.

\*[*Mặt khách quan*](https://hocluat.vn/wiki/mat-khach-quan/)của tội phạm:

– Hành vi khách quan của tội phạm: Người phạm tội có hành vi vi phạm quy tắc an toàn. Đó là những quy tắc nhằm bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe cho con người. Những quy tắc đó thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, có thể đã được quy phạm hóa hoặc có thể là những quy tắc xử sự xã hội thông thường đã trở thành những tập quán sinh hoạt, mọi người đều biết và thừa nhận. Trong tình huống trên thì X và P rủ nhau đi săn thú rừng và hai người thỏa thuận người nào phát hiện có thú dữ, trước khi bắn sẽ huýt sáo 3 lần nếu không thấy phản ứng gì thì sẽ bắn. Sau đó X lên phía đồi còn P xuống khe cạn. Và khi X nghe thấy có tiếng động, đã X huýt sáo 3 lần nhưng không nghe thấy phản ứng gì của P. X bật đèn soi về phìa có tiếng động thấy có ánh mắt con thú phản lại nên nhằm bắn về phía con thú. Sau đó, X xách súng chạy đến thì phát hiện là P đã bị trúng đạn nhưng chưa chết hẳn. X vội vã đưa P đi đến trạm xá địa phương nhưng P đã chết trên đường đi cấp cứu. Như vậy, hành vi của X do không cẩn thận xem xét kỹ lưỡng trong khi đi săn nên đã để đạn lạc vào người P làm cho P chết.

– Hậu quả của tội phạm: Hành vi vi phạm nói trên phải đã gây ra hậu quả chết người. Hậu quả này là dấu hiệu bắt buộc của CTTP. Trong tình huống trên thì hành vi của X đã  gây ra hậu quả làm cho P chết.

– Quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả của tội phạm: QHNQ giữa hành vi vi phạm và hậu quả đã xảy ra là dấu hiệu bắt buộc của CTTP. Người có hành vi vi phạm chỉ phải chịu TNHS về hậu quả chết người đã xảy ra, nếu hành vi vi phạm của họ đã gây ra hậu quả này hay nói cách khác là giữa hành vi vi phạm của họ và hậu quả chết người có QHNQ với nhau.Trong tình huống trên thì hậu quả chết người của P là do hành vi của X gây ra. Đò là X nhằm bắn về phía con thú nhưng đã bắn sang P, hậu quả là làm cho P chết, như vậy nguyên nhân P chết là do hành vi bắn súng  của X vào người P.

\* Mặt chủ quan của tội phạm:

Trong trường hợp này, X phạm tội vô ý làm chết người với lỗi vô ý vì quá tự tin. Bởi vì X tuy thấy hành vi của mình có thể ra hậu quả làm chết người nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra nên vẫn thực hiện và đã gây ra hậu quả chết người đó.

-Về lí trí: X nhận thức tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình, thể hiện ở chỗ thấy trước hậu quả làm chết người do hành vi của mình có thể gây ra nhưng đồng thời lại cho rằng hậu quả đó không xảy ra. Như vậy, sự thấy trước hậu quả làm chết người ở đây thực chất chỉ là sự cân nhắc đến khả năng hậu quả đó xảy ra hay không và kết quả người phạm tội đã loại trừ khả năng hậu đó quả xảy ra.

-Về ý chí: X không mong muốn hành vi của mình sẽ gây ra cái chết cho P, nó thể hiện ở chỗ, sự không mong muốn hậu quả của X gắn liền với việc X đã loại trừ khả năng hậu quả xảy ra. X đã cân nhắc, tính toán trước khi hành động, thể hiện ở chỗ X đã huýt sáo như thỏa thuận với P và chỉ đến khi không nghe thấy phản ứng gì của P, X mới nhằm bắn về phía có ánh mắt con thú nhưng hậu quả là đã bắn chết P. Và khi X xách súng chạy đến thì phát hiện P đã bị trúng đạn nhưng chưa chết hẳn, X đã vội đưa P đến trạm xá địa phương để cấp cứu, nhưng P đã chết trên đường đi. Điều này đã chứng tỏ X không mong muốn hậu quả chết người xảy ra. Như vậy, hình thức lỗi của X trong trường hợp trên là lỗi vô ý vi quá tự tin.

Ngoài ra, trong trường hợp này X đã đủ năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định sẽ bị phạt hành chính vì sử dụng [vũ khí](https://hocluat.vn/wiki/vu-khi/) cấm tại khoản 3 Điều 13 [Nghị định](https://hocluat.vn/wiki/nghi-dinh/) số 73/2010/NĐ – CP quy định về sử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự xã hội.

***2. Giả sử P không chết chỉ bị thương, tỷ lệ thương tật là 29%, X có phải chịu trách nhiệm hình sự không? Tại sao?***

X không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Theo nội dung tình huống của đề bài và hậu quả là P bị thương, với tỷ lệ thương tật là 29%. Thì hành vi của X là đã vô ý gây thương tích cho P với lỗi vô ý vì quá tự tin. Và căn cứ vào khoản 1 Điều 108 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009 quy định:

Người nào vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên, thì bị phạt cảnh cáo, [cải tạo không giam giữ](https://hocluat.vn/wiki/cai-tao-khong-giam-giu/) đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

Vậy, với hậu quả P không chết chỉ bị thương, tỷ lệ thương tật 29%, thì X không phải chịu TNHS nhưng X sẽ bị xử phạt hành chính về hành vi của mình theo [Nghị Quyết](https://hocluat.vn/wiki/nghi-quyet/) 03/2006 về bồi thường thiệt hại ngoài [hợp đồng](https://hocluat.vn/wiki/hop-dong/).

## ****Tình huống 2:****Cấu thành tội phạm

A, B, K uống rượu say, đi loạng choạng và ngã ở dọc đường, H và Q phát hiện chị B cùng với hai người bạn nằm bên đường. Thấy chị B đeo nhiều nữ trang bằng vàng, H và Q lấy đi toàn bộ tài sản trị giá 10 triệu đồng. Gần sáng cơn say hết, chị B tỉnh giấc mới biết mình bị mất tài sản và đi báo công an. A, B, K uống rượu say, đi loạng choạng và ngã ở dọc đường, H và Q phát hiện chị B cùng với hai người bạn nằm bên đường. Thấy chị B đeo nhiều nữ trang bằng vàng, H và Q lấy đi toàn bộ tài sản trị giá 10 triệu đồng. Gần sáng cơn say hết, chị B tỉnh giấc mới biết mình bị mất tài sản và đi báo công an.

Về vụ án này có các ý kiến sau đây về tội danh của H và Q:

1. H và Q phạm [tội cướp tài sản](https://hocluat.vn/wiki/toi-cuop-tai-san/);
2. H và Q phạm tội công nhiên [chiếm đoạt tài sản](https://hocluat.vn/wiki/chiem-doat-tai-san/);
3. H và Q phạm [tội trộm cắp tài sản](https://hocluat.vn/wiki/toi-trom-cap-tai-san/).

**Câu hỏi:**

Hành vi của H, Q cấu thành tội gì? Tại sao?

**Lời giải**

***1. Ý kiến H và Q phạm tội cướp tài sản: ý kiến này là sai, vì các tình tiết của vụ án không đủ yếu tố cấu thành tội cướp tài sản***

Khoản 1 Điều 133 BLHS quy định về tội cướp tài sản như sau: “Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm”.

Tội cướp tài sản là “dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhắm chiếm đoạt tài sản.

Khách thể tội cướp tài sản:

Hành vi cướp tài sản xâm hại đồng thời hai quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Đó là quan hệ nhân thân và quan hệ sở hữu. Bằng hành vi phạm tội của mình, người phạm tội cướp tài sản xâm phạm trước hết đến thân thể, đến tự do của con người để qua đó có thể xâm phạm được sở hữu.

Trong tình huống trên, H và Q thấy chị B và hai người bạn say rượu nằm mê mệt bên đường, lại thấy chị B đeo nhiều nữ trang bằng vàng nên H và Q lấy đi toàn bộ tài sản của chị B trị giá 10 triệu đồng. Như vậy, trong tình huống này, H và Q không xâm hại đến thân thể, đến tự do của chị B và hai người bạn hay nói cách khác là không xâm phạm đến quan hệ nhân thân. H và Q chỉ xâm hại đến quan hệ sở hữu của chị B. Như vậy, trong tình huống này, H và Q không xâm hại đến quan hệ nhân thân mà chỉ xâm hại đến quan hệ sở hữu của chị B.

Hành vi khách quan của tội cướp tài sản:

Theo quy định của điều luật có 3 dạng hành vi khách quan được coi là hành vi khách quan của tội cướp tài sản. Đó là: Hành vi dùng vũ lực; hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc; hành vi làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được để nhằm chiếm đoạt tài sản.

Hành vi dùng vũ lực là hành vi mà người phạm tội đã thực hiện, tác động vào cơ thể của nạn nhân như: đấm, đá, bóp cổ, trói, bắn, đâm chém… Hay có thể nói một cách khái quát là hành vi dùng sức mạnh vật chất nhằm chiếm đoạt tài sản.

Hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc là hành vi dùng lời nói hoặc hành động nhằm đe dọa người bị hại nếu không đưa tài sản thì vũ lực sẽ được thực hiện ngay. Vũ lực đe dọa sẽ thực hiện có thể sẽ nhằm vào chính người bị đe dọa nhưng cũng có thể nhằm vào người khác có quan hệ thân thuộc với người bị đe dọa. Để xác định dấu hiệu đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc, ta thấy ngay tức khắc là ngay lập tức không chần chừ, khả năng xảy ra là tất yếu nếu người bị hại không giao tài sản cho người phạm tội. Khả năng này không phụ thuộc vào lời nói hoặc hành động của người phạm tội mà nó tiềm ẩn ngay trong hành vi của người phạm tội. Đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc cũng có nghĩa là nếu người bị hại không giao tài sản hoặc không để cho người phạm tội lấy tài sản thì vũ lực sẽ được thực hiện.

Hành vi khác làm cho người khác lâm vào tình trạng không thể chống cự được là hành vi không phải dùng vũ lực, cũng không phải là đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhưng lại làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Để xác định hành vi này, trước hết xuất phát từ phía người bị hại phải là người bị tấn công, nhưng không phải bị tấn công bởi hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc mà bị tấn công bởi hành vi khác. Như vậy, hành vi khác mà nhà làm luật quy định trong cấu thành trước hết nó phải là hành vi tấn công người bị hại, mức độ tấn công tới mức người bị hại không thể chống cự được. Ví dụ như bỏ thuốc ngủ vào cốc nước cho người bị hại uống làm cho người đó ngủ say, bị mê mệt không biết gì sau đó mới chiếm đoạt tài sản của người bị hại…

Trong tình huống trên, H và Q không có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hay có hành vi nào khác làm cho chị B và hai người bạn lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Chị B và hai người bạn lâm vào tình trạng không thể chống cự được là do uống quá nhiều rượu nên say, việc chị B và hai người bạn lâm vào tình trạng không nhận thức, không chống cự được không có lỗi của H và Q. Vì vậy, trong tình huống này H và Q chỉ chiếm đoạt tài sản của chị B.

Như vậy, căn cứ vào những phân tích trên, căn cứ vào khách thể và mặt khách quan của tội phạm ta thấy, H và Q không có đủ những dấu hiệu để cấu thành tội cướp tài sản. Vì vậy ý kiến cho rằng H và Q phạm tội cướp tài sản là sai.

**2. Ý kiến H và Q phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản: ý kiến này cũng sai vì các tình tiết không cấu thành tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.**

Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 137 BLHS. Qua thực tiễn xét xử có thể hiểu: Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là lợi dụng chủ tài sản không có điều kiện ngăn cản công nhiên chiếm đoạt tài sản của họ.

Đặc điểm nổi bật của tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là người phạm tội ngang nhiên lấy tài sản trước mắt người quản lý tài sản mà họ không làm gì được (không có biện pháp nào ngăn cản được hành vi chiếm đoạt của người phạm tội hoặc nếu có thì biện pháp đó cũng không đem lại hiệu quả, tài sản vẫn bị người phạm tội lấy đi một cách công khai). Tính chất công khai, trắng trợn của hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản thể hiện ở chỗ người phạm tội không giấu giếm hành vi phạm tội của mình , trước, trong hoặc ngay sau khi bị mất tài sản, người bị thiệt hại biết ngay người lấy tài sản của mình (biết mà không thể giữ được).

Do đặc điểm riêng của tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, nên người phạm tội chỉ có một hành vi khách quan duy nhất là “chiếm đoạt”, nhưng chiếm đoạt bằng hình thức công khai, với thủ đoạn lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản hoặc lợi dụng vào hoàn cảnh khách quan như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh… Mặc dù tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là tội phạm chưa được các nhà nghiên cứu khoa học nghiên cứu nhiều, nhưng qua thực tiễn xét xử chúng ta có thể thấy một số trường hợp công nhiên chiếm đoạt tài sản như sau:

– Người phạm tội lợi dụng sơ hở, vướng mắc của người quản lý tài sản để công nhiên chiếm đoạt tài sản của họ;

– Người phạm tội lợi dụng hoàn cảnh khách quan như: thiên tai, hỏa hoạn, bị tai nạn, đang có chiến sự để chiếm đoạt tài sản. Những hoàn cảnh cụ thể này không do người có tài sản gây ra mà do hoàn cảnh khách quan làm cho họ lâm vào tình trạng không thể bảo vệ được tài sản của mình, nhìn thấy người phạm tội lấy tài sản mà không làm gì được.

Trong tình huống trên, H và Q đã lợi dụng lúc chị B và hai người bạn say rượu nằm mê mệt bên đường nên đã chiếm đoạt tài sản của chị B. Trong trường hợp nếu chị B và hai người bạn không hẳn bị mê mệt mà vẫn có thể  nhìn thấy hành vi chiếm đoạt tài sản của H và Q nhưng do quá say nên họ không thể ngăn cản hành vi của H và Q thì H và Q có thể bị cấu thành tội công nhiên chiếm đoạt tài sản. Nhưng trong tình huống có ghi rõ “… H và Q phát hiện chị B cùng với hai người bạn đang say nằm mê mệt bên lề đường. Thấy chị B đeo nhiều nữ trang bằng vàng, H và Q lấy đi toàn bộ tài sản trị giá 10 triệu đồng. Gần sáng cơn say hết, chị B tỉnh giấc mới biết mình bị mất tài sản và đi báo công an…”, như vậy trong khi H và Q đang thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chị B và hai người bạn không hề biết và nhìn thấy hành vi của H và Q, phải đến sáng hôm sau chị B tỉnh giấc mới biết mình bị mất tài sản và đi báo công an. Như vậy, hành vi của H và Q không thể là công nhiên mà có hành vi lén lút, hành vi của H và Q chỉ có thể bị coi là công nhiên khi chị B hoặc hai người bạn của chị B tỉnh giấc nhận thấy chị B bị chiếm đoạt tài sản nhưng do quá say nên không có khả năng chống cự và H và Q vẫn công khai, trắng trợn lấy số nữ trang trên người chị B. Tính chất công khai, trắng trợn tuy không phải là hành vi khách quan, nhưng nó lại là một đặc điểm cơ bản, đặc trưng đối với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản. Công nhiên chiếm đoạt tài sản trước hết là công nhiên với chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản, sau đó là công nhiên đối với mọi người xung quanh. Tuy nhiên, đối với người xung quanh, người phạm tội có thể có những thủ đoạn gian dối, lén lút để tiếp cận tài sản, nhưng khi chiếm đoạt, người phạm tội vẫn công khai, trắng trợn.

Từ những phân tích trên, ta thấy H và Q không có đủ các dấu hiệu cấu thành tội công nhiên chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, ý kiến H và Q phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là sai.

**3. Ý kiến H và Q phạm tội trộm cắp tài sản: ý kiến này đúng, vì đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.**

Tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 138 BLHS. Điều 138 không mô tả những dấu hiệu của tội trộm cắp tài sản mà chỉ nêu tội danh. Qua thực tiễn xét xử có thể hiểu: Tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác.

Đặc điểm nổi bật của tội trộm cắp tài sản là người phạm tội lén lút (bí mật) lấy tài sản mà chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản không biết mình bị lấy tài sản, chỉ sau khi mất họ mới biết mình bị mất tài sản.

\* Khách thể của tội trộm cắp tài sản:

Khách thể của tội trộm cắp tài sản không xâm phạm đến quan hệ nhân thân mà chỉ xâm phạm đến quan hệ sở hữu.

Trong tình huống trên, H và Q không hề xâm hại đến quan hệ nhân thân của chị B và hai người bạn mà chỉ có hành vi xâm phạm đến tài sản của chị B, cụ thể là lấy đi toàn bộ số nữ trang bằng vàng của chị B.

\* Hành vi khách quan:

Do đặc điểm của tội trộm cắp tài sản, nên người phạm tội chỉ có một hành vi khách quan duy nhất là “chiếm đoạt”, nhưng chiếm đoạt bằng hình thức lén lút, với thủ đoạn lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản, không trông giữ cẩn thận hoặc lợi dụng vào hoàn cành khách quan khác như chen lấn, xô đẩy, nhằm tiếp cận tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt mà người quản lý tài sản không biết

Để xác định hành vi trộm cắp tài sản và phân biệt tội trộm cắp với một số tội phạm khác gần kề, chúng ta có thể có một số dạng trộm cắp tài sản có tính chất đặc thù như sau:

– Người phạm tội dùng những thủ đoạn gian dối tiếp cận tài sản để đến khi có điều kiện sẽ lén lút chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản;

– Người phạm tội lợi dụng chỗ đông người, chen lấn xô đẩy để chiếm đoạt tài sản của người khác;

– Người phạm tội lợi dụng người quản lý tài sản không có mặt ở nơi để tài sản hoặc người tài sản không trực tiếp quản lý nên đã chiếm đoạt. Đặc trưng hành vi chiếm đoạt của tội trộm cắp tài sản là dấu hiệu lén lút. Lén lút là dấu hiệu có nội dung trái ngược với dấu hiệu công khai ở các tội xâm phạm sở hữu khác, dấu hiệu này vừa chỉ đặc điểm khách quan của hành vi chiếm đoạt vừa chỉ ý thức chủ quan của người thực hiện hành đó. Hành vi chiếm đoạt có đặc điểm khách quan là lén lút và ý thức chủ quan của người thực hiện cũng là lén lút. Hành vi chiếm đoạt được coi là lén lút nếu được thực hiện bằng hình thức mà hình thức đó đó có khả năng không cho phép chủ tài sản biết có hành vi chiếm đoạt khi có hành vi này xảy ra. Ý thức chủ quan của người phạm tội là lén lút nếu khi thực hiện hành vi chiếm đoạt người phạm tội có ý thức che giấu hành vi đang thực hiện của mình. Việc che giấu này chỉ đòi hỏi với chủ tài sản, đối với những người khác, ý thức chủ quan của người trộm cắp tài sản vẫn là công khai. Nhưng trong thực tế, ý thức chủ quan của người phạm tội trong phần lớn vẫn là lén lút, che giấu đối với người khác.

Trong tình huống trên, H và Q đã lợi dụng lúc chị B và hai người bạn say rượu nằm mê mệt bên đường nên đã chiếm đoạt tài sản của chị B. Ta thấy trong tình huống có ghi rõ: “… H và Q phát hiện chị B cùng với hai người bạn đang say nằm mê mệt bên lề đường. Thấy chị B đeo nhiều nữ trang bằng vàng, H và Q lấy đi toàn bộ tài sản trị giá 10 triệu đồng. Gần sáng cơn say hết, chị B tỉnh giấc mới biết mình bị mất tài sản và đi báo công an…” . Để xác định hành vi phạm tội của H và Q  trong tình huống này ta cần xác định “tại thời điểm mất tài sản, chủ tài sản có biết hay không” là vấn đề cần thiết phải làm rõ, bởi nó liên quan đến bản chất của hành vi chiếm đoạt. Trong tình huống này, chị B là chủ tài sản, do bị say rượu nằm mê mệt bên đường  nên trong khi bị H và Q chiếm đoạt tài sản không hề biết mình bị chiếm đoạt tài sản. Phải đến sáng hôm sau tỉnh giấc chị B mới biết mình bị mất tài sản. Như vậy, dấu hiệu “thời điểm mất tài sản” là mốc thời gian, xác định việc tài sản đã bị chiếm đoạt và không nằm trong vòng kiểm soát của chủ tài sản nữa. Tại thời điểm này, chủ tài sản (chị B) không biết việc mình bị mất tài sản và đây chính là hệ quả của hành vi “lén lút”. Bởi chỉ có “lén lút” mới làm chủ tài sản không biết mình bị mất tài sản. Mặt khác trị giá tài sản bị các đối tượng chiếm đoạt là 10 triệu đồng, thỏa mãn dấu hiệu được nêu trong điều 138 , BLHS (từ hai triệu đồng trở lên ). Hành vi của H và Q được thực hiện do lỗi cố ý. Mục đích cuối cùng của H và Q là mong muốn chiếm đoạt tài sản của trị B, cụ thể là số nữ trang bằng vàng trên người của chị B.

Với sự liên hệ qua lại giữa các dấu hiệu này, giúp chúng ta dễ dàng tìm ra điểm đặc trưng của tội “Trộm cắp tài sản”, từ đó ta có cơ sở để quyết định H và Q phạm tội trộm cắp tài sản. Như vậy, căn cứ vào những phân tích trên, căn cứ vào khách thể và mặt khách quan của tội phạm ta thấy, H và Q có đủ những dấu hiệu để cấu thành tội trộm cắp tài sản. Vì vậy, ý kiến cho rằng H và Q phạm tội trộm cắp tài sản là đúng.

## ****Tình huống 3: Định tội danh****

A là chủ kiêm lái xe chở xăng dầu. A ký [hợp đồng](https://hocluat.vn/wiki/hop-dong/) với công ty X vận chuyển dầu chạy máy cho công ty. Sau vài lần vận chuyển, A đã học được thủ đoạn lấy bớt dầu vẫn chuyển của công ty X như sau:

Khi nhận được dầu A chạy xe tới điểm thu mua dầu của B và nhanh chóng rút dầu ra bán cho B mỗi lần 200 lít. Sau đó A đổ đầy nước vào chiếc thùng phuy không mang sẵn đúng 200 lít. Đến địa điểm giao hàng, chiếc xe được cân đúng trọng lượng quy định nên được nhập dầu vào kho. Trong thời gian chờ đợi cân trọng lượng của xe sau khi giao dầu, A đã bí mật đổ hết số nước đã chất lên xe để khi cân chỉ còn đúng trọng lượng của xe.

Bằng thủ đoạn trên A đã nhiều lần lấy dầu được thuê vận chuyển với tổng trị giá là 100 triệu đồng thì bị phát hiện.

1. Anh (chị) hãy xác [định tội danh](https://hocluat.vn/wiki/dinh-toi-danh/) cho hành vi của A?
2. B có phải chịu trách nhiệm [hình sự](https://hocluat.vn/wiki/hinh-su/) về hành vi tiêu thụ dầu của A không? Nếu có thì tội danh cho hành vi của B là gì?

**Lời giải**

**1. Anh (chị) hãy xác định tội danh cho hành vi của A?**

>>> Trường hợp 1: Hành vi của A cấu thành Tội lạm dụng tín nhiệm[*chiếm đoạt tài sản*](https://hocluat.vn/wiki/chiem-doat-tai-san/)(Điều 140 BLHS) :

. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ một triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới một triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt [cải tạo không giam giữ](https://hocluat.vn/wiki/cai-tao-khong-giam-giu/) đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người

khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người

khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a) Có tổ chức;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

c) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;

d) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ trên năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng

e) Gây hậu quả nghiêm trọng.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên;

b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm và bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai [hình phạt](https://hocluat.vn/wiki/hinh-phat/) này.

Về dấu hiệu pháp lý: Điều 140 BLHS quy định tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bao gồm 2 trường hợp:

– Thứ nhất, bằng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn, chiếm đoạt tài sản của người khác đã được giao cho mình trên cơ sở hợp đồng vay mượn, thuê,…

– Thứ hai, sử dụng tài sản của người khác đã được giao cho mình trên cơ sở hợp đồng vay, mượn, thuê,… vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

\* Chủ thể của[*tội phạm*](https://hocluat.vn/wiki/toi-pham/):

Ngoài những điều kiện về tuổi và phải có năng lực [trách nhiệm hình sự](https://hocluat.vn/wiki/trach-nhiem-hinh-su/), tội này đòi hỏi chủ thể phải là những người đã được chủ tài sản tín nhiệm giao cho khối lượng tài sản nhất định. Cơ sở giao tài sản là hợp đồng, việc giao và nhận tài sản là hoàn toàn ngay thẳng. Chủ tài sản do tín nhiệm đã giao tài sản để người được giao sử dụng, bảo quản, vận chuyển, gia công hoặc sửa chữa,… tài sản.

Trong đề bài đã cho, vì A ký hợp đồng vận chuyển dầu nên A chắc chắn đã có bằng lái ô tô bởi vậy có thể khẳng định rằng A có đủ điều kiện về tuổi và có năng lực trách nhiệm hình sự, Trong đề cũng nêu rõ “A ký hợp đồng với công ty X vận chuyển dầu chạy máy cho công ty”, như vậy A đã được công ty X tín nhiệm, giao cho việc vận chuyển dầu chạy máy. Nếu công ty X là [doanh nghiệp](https://hocluat.vn/wiki/doanh-nghiep/) tư nhân thì A không có trách nhiệm quản lý tài sản, mà chỉ có trách nhiệm vận chuyển, như vậy A không có dấu hiệu chủ thể đặc biệt của tội tham ô đó là có chức vụ, quyền hạn quản lý đối với tài sản được giao.

\*[*Mặt khách quan*](https://hocluat.vn/wiki/mat-khach-quan/)của tội phạm:

Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ một triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới một triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của ngườikhác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của ngườikhác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a) Có tổ chức;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

c) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;

d) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ trên năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng

e) Gây hậu quả nghiêm trọng.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên;

b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm và bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này.

– Hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là hành vi chiếm đoạt toàn bộ hay một phần tài sản đã được giao trên cơ sở hợp đồng đã được ký kết giữa chủ tài sản và người có hành vi chiếm đoạt.

Hành vi chiếm đoạt ở đây là những hành vi không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết. Những hành vi đó là những hành vi không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết:

– Không trả lại tài sản bằng thủ đoạn bỏ trốn hoặc bằng thủ đoạn gian dối      ( như giả tạo bị mất, đánh tráo tài sản rút bớt tài sản,… ) hoặc

– Không trả lại được tài sản do không có khả năng vì đã sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp ( như dùng vào việc buôn lậu, buôn bán hàng cấm hay đánh bạc, ….)

Ví dụ như vụ việc xảy ra tại Việt Trì trong khoảng tháng 1 và tháng 2 năm 2008: Xuất phát từ mối quan hệ quen biết giữa Nguyễn Thị Lộc (phố Đoàn

Kết, phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì) với các chị Lê Thị Kiều Vân (phố Thọ Mai, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì)  và Lê Thị Kiều Dung (phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì), trong khoảng thời gian tháng 1 và tháng 2 năm 2008, Nguyễn Thị Lộc đã vay tiền của chị Vân và chị Dung với tổng số tiền là 2,1 tỷ đồng để dùng vào mục đích kinh doanh đóng tàu thủy và làm nhà riêng. Sau khi vay được số tiền trên, Nguyễn Thị Lộc lại không dùng đúng mục đích như cam kết. Vì hám lợi, Nguyễn Thị Lộc lại dùng toàn bộ số tiền trên vào việc đánh bạc với hình thức ghi lô, đề mà Lộc tự nhận là thư ký ghi đề cho một chủ đề ở Hà Nội dẫn đến thua lỗ toàn bộ khoản tiền vay. Lộc đã lạm dụng lòng tin của chị Vân và chị Dung, dùng số tiền vay được vào mục đích bất hợp pháp đó là ghi lô đánh bạc.

Hành vi gian dối của A đã được miêu tả kỹ trong đề bài “Khi nhận được dầu A chạy xe tới điểm thu mua dầu của B và nhanh chóng rút dầu ra bán cho B mỗi lần 200 lít. Sau đó A đổ đầy nước vào chiếc thùng phuy không mang sẵn đúng 200 lít. Đến địa điểm giao hàng, chiếc xe được cân đúng trọng lượng quy định nên được nhập dầu vào kho. Trong thời gian chờ đợi cân trọng lượng của xe sau khi giao dầu, A đã bí mật đổ hết số nước đã chất lên xe để khi cân chỉ còn đúng trọng lượng của xe”.Ban đầu sau khi nhận được dầu thật, A bí mật đem bán,sau đó A đổ nước vào thùng với khối lượng tương đương, đem tới công ty nhập kho,  cuối cùng đổ nước đi và ra khỏi kho dầu.

A đã lợi dụng sự tín nhiệm của công ty X để kiếm lừa dối, chiếm dụng lượng dầu mỗi lần vận chuyển. Giữa A và công ty X đã có hợp đồng vận chuyển “A ký hợp đồng với công ty X vận chuyển dầu chạy máy cho công ty”. A đã có hành vi gian dối, tráo đổi tài sản, cụ thể là đổi dầu bằng nước.

– Đối tượng của hành vi chiếm đoạt:

Đối tượng của hành vi chiếm đoạt trong tội này là những tài sản đã được giao ngay thẳng cho người phạm tội trên cơ sở hợp đồng, trong đề bài đối tượng của hợp đồng chính là 200 lít dầu mỗi lần A được thuê vận chuyển.

– Hậu quả:

Hậu quả của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là thiệt hại về tài sản mà cụ thể là giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Theo khoản 1 Điều 140 – BLHS thì giá trị tài sản bị chiếm đoạt từ 1 triệu đồng trở lên mới [cấu thành tội phạm](https://hocluat.vn/wiki/cau-thanh-toi-pham/), còn nếu tài sản bị chiếm đoạt dưới 1 triệu đồng thì phải kèm theo điều kiện gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được [xóa án tích](https://hocluat.vn/wiki/xoa-an-tich/) mà còn vi phạm mới cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Trong đề bài đã cho thì hậu quả của hành vi chiếm đoạt của A đã quá rõ ràng, tổng trị giá tài sản mà A đã chiếm đoạt phi pháp có giá trị là 100 triệu đồng, thỏa mãn  Điểm d- Khoản 2- Điều 140 BLHS “ Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ trên năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng”

\* Khách thể của tội phạm:

Khách thể của tội phạm của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản luôn là tài sản, giống như các tội có tính chất chiếm đoạt khác, tuy nhiên, tội phạm này không xâm phạm đến quan hệ nhân thân mà chỉ xâm phạm đến quan hệ sở hữu, đây là điểm khác biệt so với các [tội cướp tài sản](https://hocluat.vn/wiki/toi-cuop-tai-san/), tội bắt cóc nhắm chiếm đoạt tài sản, [tội cướp giật tài sản](https://hocluat.vn/wiki/toi-cuop-giat-tai-san/). Trong cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản không quy định những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe là tình tiết định khung hình phạt. Vì vậy, nếu sau khi đã chiếm đoạt được tài sản mà người phạm tội bị đuổi bắt, có hành vi chống trả để tẩu thoát, gây chết người hay gây thương tích, hoặc tổn hại sức khỏe cho người khác thì tùy trường hợp người phạm tội còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về [tội giết người](https://hocluat.vn/wiki/toi-giet-nguoi/) hoặc tội cố ý gây thương tích, hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Trong bài làm thì khách thể của tội phạm chính là lượng dầu mà A đã chiếm đoạt được sau nhiều lần thực hiện hành vi gian dối, tổng tài sản chiếm đoạt trị giá 100 triệu đồng.

\* Mặt chủ quan của tội phạm:

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý, mục đích của người phạm tội là chiếm đoạt được tài sản, mục đích cũng là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Trong trường hợp đề ra thì lỗi của A là lỗi cố ý trực tiếp. Về lý trí, A nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt dầu máy của công ty X sẽ gây thiệt hại về tài sản cho công ty, thấy trước hậu quả của hành vi chiếm đoạt trên. Về ý chí, A mong muốn hậu quả phát sinh, A mong chiếm được số dầu trên để đem bán kiếm lợi nhuận.

Khi phân tích đề bài rất có thể có sự nhầm lẫn, cho rằng hành vi của A cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vì vậy ở đây em xin phân biệt rõ. Giữa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội lạm dụng chiếm đoạt tài sản có 1 điểm khác nhau cơ bản đó là thời điểm phát sinh ý định chiếm đoạt, nếu như A trước khi ký hợp đồng vận chuyển dầu cho công ty X đã có ý định chiếm đoạt tài sản thì chắc chắn A phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, còn nếu sau khi A có được lượng dầu một cách hợp pháp ( thông qua hợp đồng vận chuyển) mới nảy sinh ý định chiếm đoạt thì hành vi của A cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Có thể thấy trong đề nêu rằng “Sau vài lần vận chuyển, A đã học được thủ đoạn lấy bớt dầu vẫn chuyển của công ty X” mặt khác, hợp đồng vận chuyển dầu nhiều lần thì thường là hợp đồng vận chuyển dài hạn, nên ý định phạm tội của A có thể coi là phát sinh sau khi ký được hợp đồng. Tuy nhiên, nếu ý định này phát sinh trước khi ký hợp đồng, hoặc hợp đồng vận chuyển dầu được ký mỗi lần trước khi vận chuyển thì hành vi của A cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về cơ bản thì khung hình phạt của A là không thay đổi “ bị phạt tù từ  2 đến 7 năm”.

>>> Trường hợp 2: Hành vi của A cấu thành[*tội tham ô tài sản*](https://hocluat.vn/wiki/toi-tham-o-tai-san/)( Điều 278 – BLHS):

**Điều 278:**

Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý có giá trị từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a) Gây hậu quả nghiêm trọng;

b) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;

c) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục A Chương này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Có tổ chức;

b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;

c) Phạm tội nhiều lần;

d) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;

đ) Gây hậu quả nghiêm trọng khác.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng khác.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên;

b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác.

Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm, có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Về dấu hiệu pháp lý:

\* Chủ thể của tội phạm:

Chủ thể của tội tham ô là chủ thể đặc biệt: chỉ những người mang dấu hiệu chủ thể đặc biệt đó làm dấu hiệu có chức vụ quyền hạn quản lý tài sản mới có thể là chủ thể của tội này, những người không có chức vụ quyền hạn chỉ có  thể là đồng phạm tham ô với vai trò là người xúi giục, tổ chức hay giúp sức.

Chủ thể của tội tham ô là người có trách nhiệm quản lý tài sản, trách nhiệm này có thể có được do có chức vụ hoặc do đảm nhiệm những chức trách công tác nhất định, trách nhiệm quản lý tài sản cần được phân biệt với trách nhiệm bảo vệ đơn thuần của người làm công việc bảo vệ cơ quan [nhà nước](https://hocluat.vn/wiki/nha-nuoc/), doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã. Người có chức vụ quyền hạn là người do bổ nhiệm,do bầu cử ,do hợp đồng hoặc do hình thức khác có hưởng lương hoặc ko hưởng lưong được giao thực hiện nhiệm vụ nhất định có quyền hạn. Cho nên ở đây A thông qua hợp đồng đã được công ty X giao cho nhiệm vụ và quyền hạn trong việc vận chuyển xăng dầu. A được đảm nhiệm công việc có tính độc lập đó là công việc tạo ra cho ngừoi được giao (tuy ko có trách nhiệm quản lí tài sản) mối quan hệ cũng như trách nhiệm với khối lượng tài sản nhất định trong khoảng thời gian nhất định.Ở đây công ty X đã giao cho anh A một mình vận chuyển chuyển chuyến hàng, ko có người áp tải.(Trong trường hợp những thùng dầu A chở được một cơ quan dùng dây chì buộc lại với nhau thì cơ quan đó mới là người quản lý tài sản, và khi đó A phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như đã nêu ở phần a.1).

Khi A có trách nhiệm quản lý lượng dầu máy thì A là người có [thẩm quyền](https://hocluat.vn/wiki/tham-quyen/), bởi vậy A thỏa mãn dấu hiệu chủ thể đặc biệt của tội tham ô tài sản.

\* Về mặt khách quan :

Người phạm tội có hành vi chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý bằng thủ đoạn lợi dụng chức vụ quyền hạn.

Hành vi phạm tội của tội tham ô trước hết là hành vi chiếm đoạt, đối tượng của hành vi chiếm đoạt là những tài sản mà người phạm tội được giao quển lý, người phạm tội đã lợi dụng trách nhiệm quản lý tài sản được giao mà chiếm đoạt tài sản mình đang quản lý. Người phạm tội tham ô có thể dùng những thủ đoạn khác nhau để chiếm đoạt được tài sản, xét đến cùng thì những thủ đoạn đó thực chất đều là sử dụng chức vụ quyền hạn được giao như phương tiện, điều kiện để có thể dễ dàng biến tài sản được giao thành tài sản của mình.

Trong vụ án đề ra, hành vi của A là hành vi gian dối, với những thủ đoạn đã phân tích như trong phần a.1.

\* Khách thể của tội phạm

Khách thể của tội tham ô tài sản là những quan hệ xã hội xã hội [chủ nghĩa](https://hocluat.vn/wiki/chu-nghia/) đảm bảo sự hoạt động đúng đắn và uy tín của [cơ quan nhà nước](https://hocluat.vn/wiki/co-quan-nha-nuoc/) hoặc tổ chức xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội  là hoạt động theo đúng các quy định của [Hiến pháp](https://hocluat.vn/wiki/hien-phap/) và [pháp luật](https://hocluat.vn/wiki/phap-luat/).

Hành vi của A

Về mặt chủ quan của tội phạm không có gì khác biệt so với phần a.1.

Điểm khác biệt giữa Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Tội tham ô chính là dấu hiệu về chủ thể. Nếu như A có trách nhiệm quản lý tài sản thì hành vi của A cấu thành tội tham ô tài sản.

Hành vi của A thỏa mãn Điểm d Khoản 2 Điều 278 BLHS về tội tham ô tài sản.

**2. B có thể phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ dầu của A.**

Việc B có phải chịu trách nhiệm hình sự hay không thì có thể chia ra những trường hợp như sau:

**b.1.Thứ nhất**, nếu B hoàn toàn không biết gì về hành vi chiếm đoạt của A, không biết số dầu A bán cho mình là bất hợp pháp, và không có bất kỳ thỏa thuận nào với A thì B không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ dầu của A. Trong cấu thành của mọi vi phạm pháp luật thì yếu tố lỗi là yếu tố không thể thiếu. Lỗi là thái độ tâm lý của con người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra được biểu hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý. Trong trường hợp thứ nhất này, B không hề có lỗi trong việc tiêu thụ dầu của A, hoàn toàn ngay tình, bởi vậy nên B không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ dầu của A.

**b.2.Thứ hai**, nếu B hoàn toàn biết được số dầu mình mua của A là  do A chiếm đoạt được một cách phi pháp, nhưng giả vờ như không biết,giữa A và B không hề có sự hứa hẹn hay thỏa thuận nào, B do ham lợi vẫn cố tình tiêu thụ dầu thì hành vi của B thỏa mãn cấu thành Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có ( Điều 250 BLHS)

– Về mặt khách quan của tội phạm, hành vi của B là hành vi tiêu thụ dầu máy mà biết được đó là lượng dầu A chiếm được do phạm tội, tuy nhiên giữa A và B không có bất kỳ sự thỏa thuận nào.

– Về mặt chủ quan, B nhận thức rõ hành vi tiêu thụ dầu máy mà A chiếm đoạt được một cách phi pháp là nguy hiểm cho xã hội, lượng dầu rất lớn ( 200 lít dầu mỗi lần) nhưng do ham lợi nhuận, B vẫn cố tình tiêu thụ số dầu đó, B nhận thức được rõ ràng hậu quả của hành vi của mình. Lỗi của B là lỗi cố ý.

Như vậy hành vi của B sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 250 BLHS –  Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

**b.3.Thứ ba**, nếu giữa B và A có sự thỏa thuận trước với nhau (ví dụ như A chiếm đoạt dầu để B tiêu thụ, dầu sẽ được bán cho B với giá thấp hơn giá thị trường 5%, B đảm bảo nguồn cầu cho A,.. ), A phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì hành vi của B cấu thành Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản Điều 140 – BLHS với vai trò đồng phạm của A.

\* Về mặt khách quan :

– Đồng phạm đòi hỏi có ít nhất 2 người tham gia thực hiện tội phạm và họ có đủ điều kiện chủ thể của tội phạm, cả A và B đều đủ điều kiện chủ thể,

-Những người đồng phạm cùng tham gia thực hiện một tội phạm, với một trong 4 hành vi : thực hiện tội phạm hoặc tổ chức thực hiện tội phạm hoặc xúi giục người khác thực hiện tội phạm hoặc giúp sức người khác thực hiện tội phạm. A và B cùng tham gia thực hiện tội phạm, A lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt dầu máy, B phụ trách tiêu thụ.

\* Về mặt chủ quan: cả A và B đều cố ý thực hiện hành vi phạm tội,  A chiếm đoạt, B tiêu thụ giúp, vì giữa hai người đã có sự thỏa thuận với nhau nên họ còn biết và mong muốn sự cố ý tham gia của người đồng phạm kia.

– Về lý trí, A biết rõ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt dầu máy là trái pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội, B cũng biết rõ hành vi tiêu thụ dầu của mình là gây nguy hiểm cho xã hội. Hai người cũng biết rõ hành vi cố ý của người kia.

– Về ý chí, tất nhiên cả hai người này mong muốn có hoạt động chung, và cùng mong muốn để cho hậu quả phát sinh, bởi vì nếu A chiếm đoạt được dầu thì rất  cần có nơi tiêu thụ, B cũng muốn kiếm được thêm tiền vì hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tuy nguy hiểm nhưng chắc chắn đem lại lợi nhuận cao hơn so với bình thường.

Trường hợp đồng phạm của A và B là đồng phạm giản đơn, cả 2 người tham gia với vai trò đồng thực hành nếu phân chia theo dấu hiệu khách quan. Còn nếu chia theo dấu hiệu chủ quan thì trường hợp đồng phạm của họ là đồng phạm có dự mưu, nghĩa là đã có sự bàn bạc, thỏa thuận từ trước để thực hiện hành vi chiếm đoạt và tiêu thụ dầu nhiều lần ( tổng trị giá tài sản lên tới 100 triệu).

Đối với trường hợp đồng phạm giản đơn này, theo nguyên tắc chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm, thì A và B đều bị [truy tố](https://hocluat.vn/wiki/truy-to/), xét xử về cùng 1 tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo điểm d khoản 2.

b.4. Thứ tư nếu nếu giữa B và A có sự thỏa thuận trước với nhau, A phạm tội tham ô tài sản, thì hành vi của B cấu thành Tội tham ô tài sản với vai trò đổng phạm.

\* Về mặt chủ quan thì không có gì khác biệt so với trường hợp thứ ba nêu trên.

\* Về mặt khách quan :

– Đồng phạm đòi hỏi có ít nhất 2 người tham gia thực hiện tội phạm và họ có đủ điều kiện chủ thể của tội phạm, cả A và B đều đủ điều kiện chủ thể,

– Những người đồng phạm cùng tham gia thực hiện một tội phạm, với một trong 4 hành vi : thực hiện tội phạm hoặc tổ chức thực hiện tội phạm hoặc xúi giục người khác thực hiện tội phạm hoặc giúp sức người khác thực hiện tội phạm.

Trong đề bài ra thì A đóng vai trò người thực hành của tội tham ô, hành vi của A là lợi dụng quyền hạn quản lý tài sản bằng hành vi gian dối đã chiếm đoạt lượng dầu với tổng trị giá 100 triệu, còn B đóng vai trò người giúp sức,hành vi của B là tiêu thụ dầu giúp A.

Như vậy B phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tham ô tài sản với vai trò người giúp sức. Ngoài ra B  cũng có thể là người xúi giục hoặc người tổ chức.

## ****Tình huống 4: Người nước ngoài phạm tội tại Việt Nam****

A là quốc tịch Canada. A có hành vi phạm tội giết người trên lãnh thổ Việt Nam và bị bắt tại Anh.

**Câu hỏi**

1. Hành vi phạm tội của A có bị xử theo Bộ [luật Hình Sự](https://hocluat.vn/luat-hinh-su/) Việt Nam không?
2. Giả định A là người thuộc đối tượng được đặc miễn ngoại giao thì hành vi của A có bị coi là tội phạm không?
3. Hãy cho biết quan điểm [cá nhân](https://hocluat.vn/wiki/ca-nhan/) về quy định tại Điều 5 [Bộ luật](https://hocluat.vn/wiki/bo-luat/) hình sự Việt Nam.
4. Về nguyên tắc thì A bị xử lý theo [Bộ luật hình sự](https://hocluat.vn/wiki/bo-luat-hinh-su/) Việt Nam theo khoản 1 điều 5 bộ luật hình sự Việt Nam: Bộ luật hình sự được áp dụng đối với mọi hành vi phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Lời giải**

Tuy nhiên do A là người Canada nên việc xử lý A phải căn cứ vào khoản 2 điều 5 của bộ luật hình sự. Nếu A là đối tượng thuộc khoản 2, điều 5 bộ luật hình sự thì vấn đề trách nhiệm hình sự của A được giải quyết bằng con đường ngoại giao: Đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam thuộc đối tượng được hưởng các [quyền miễn trừ ngoại giao](https://hocluat.vn/wiki/quyen-mien-tru-ngoai-giao/) hoặc [quyền ưu đãi và miễn trừ](https://hocluat.vn/wiki/quyen-uu-dai-va-mien-tru/) về lãnh sự theo [pháp luật Việt Nam](https://hocluat.vn/wiki/phap-luat-viet-nam/), theo các điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam ký kết hoặc tham gia hoặc theo [tập quán quốc tế](https://hocluat.vn/wiki/tap-quan-quoc-te/), thì trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết bằng con đường ngoại giao.

Như vậy câu Lời giải chính xác là có thể.

Dù A là người thuộc đối tượng được đặc miễn ngoại giao thì hành vi của A vẫn bị coi là tội phạm.

Hành vi của A là tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam vì nó thoả mãn những đặc điểm của tội phạm:

+  Tính nguy nguy hiểm cho xã hội

+  Tính có lỗi

+  Tính trái pháp luật hình sự

+  Tính chịu hình phạt

Hành vi của A là tội phạm tuy nhiên do A ( chủ thể của tội phạm) thuộc đối tượng được đặc miễn ngoại giao nên vấn đề trách nhiệm hình sự của A được giải quyết bằng con đường ngoại giao theo quy định tại khoan 2, điều 5 Bộ luật hình sự Việt Nam: Đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc đối tượng được hưởng các quyền miễn trừ ngoại giao hoặc quyền ưu đãi và miễn trừ về lãnh sự theo pháp luật  Việt Nam, theo các điều ước quốc tế mà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia hoặc theo tập quán quốc tế, thì vấn đề trách nhiệm của họ được giải quyết bằng con đường ngoại giao.

Quan điểm của cá nhân em về quy định tại điều 5 bộ luật hình sự Việt Nam.

Điều 5 của bộ luật hình sự Việt Nam quy định về:  Hiệu lực của bộ luật hình sự đối với những hành vi phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Bộ luật hình sự được áp dụng đối với mọi hành vi phạm tội thực hiện trên lãnh thổ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩ Việt Nam.
2. Đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc đối tượng được hưởng các quyền miễn trừ ngoại giao hoặc quyền ưu đãi và miễn trừ về lãnh sự theo pháp luật Việt Nam, theo các điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia hoặc theo tập quán quốc tế, thì vấn đề trách nhiệm hình sự của họ được giải quýêt bằng con đường ngoại giao.

Quan điểm cá nhân em cho rằng điều 5 quy định về hiệu lực của bộ luật hình sự đối với những hành vi phạm tội trên lãnh thổ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một điều luật đúng hợp lý vừa thể hiện được tính nghiêm khắc vừa có sự kết hợp hài hoà với những thông lệ ngoại giao và tập quán quốc tế điều đó nói lên rằng Việt Nam rất tôn trọng những điều ước, điều khoản mà mình đã ký kết, đây là một điều kiện rất quan trọng để chúng ta ngày càng hội nhập sâu rộng với thế giới. Tuy vậy không vì điều đó mà việc thực hiện pháp chế bị ảnh hưởng mà trái lại điều luật này đã quy định rất rõ là mọi hành vi phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam đều được áp dụng thoe bộ luật này.

Bên cạnh sự đúng đắn và hợp lý đó em còn thấy rằng để thực hiện được điều luật này phải có một chính quyền đủ mạnh và phải có sự phối hợp giữa các [quốc gia](https://hocluat.vn/wiki/quoc-gia/) và vùng lãnh thổ trên thế giới. Vì một khi nhà nước mình không đủ mạnh để gây áp lực và quốc gia khác không hợp tác thì không thể xử lý được một hành vi phạm tội  trên lãnh thổ Việt Nam mà bị bắt ở nước ngoài khi mình yêu cầu dẫn độ về nước để xử lý theo bộ luật hình sự Việt Nam mà không được nước đó chấp nhận.

Một ví dụ điển hình năm 2001 Lý Tống dùng máy bay từ Thái Lan xâm phạm vào lãnh thổ Việt Nam rải truyền đơn rồi tẩu thoát về Thái Lan sau đó bị bắt, nhà nước ta đã yêu cầu phía Thái Lan dấn độ Lý Tống về Việt Nam để xử lý theo bộ luật hình sự Việt Nam nhưng không được phía Thái Lan chấp nhận. Nên hành vi tội phạm mà Lý Tống thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nhưng vẫn không bị xư lý theo Bộ luật hình sự Việt Nam.

Như vậy ta thấy để thực hiện triệt để được điều luật nay cần phải có một nhà nước mạnh và sự cần thiết phải tiến hành ký kết các hiệp ước tương trợ tư pháp giữa các quốc gia.

## ****Tình huống 5: Tội cướp tài sản****

Lợi dụng lúc gia đình B ngủ trưa không đóng cửa, A lẻn và nhà B lấy chiếc xe đạp mini Nhật ( trị giá khoảng hai triệu đồng). A dắt xe ra đến sân thì bị anh B phát hiện và đuổi theo giằng lại, A dùng chân đạp mạnh vào người anh B làm anh ngã ra sân. A vội lên xe và đạp ra ngoài đường để tẩu thoát nhưng đã bị mọi người bắt giữ. Anh B ngã chỉ bị xây xước. Về việc phạm tội của A có quan điểm cho rằng:

1. A phạm [tội trộm cắp tài sản](https://hocluat.vn/wiki/toi-trom-cap-tai-san/) với tình tiết hành hung tẩu thoát (điểm d khoản 2 Điều 138 BLHS)
2. A phạm tội cướp tài sản

Theo anh (chị) quan điểm nào đúng và giải thích tại sao?

**Lời giải**

Với tình huống như đã mô tả ở trên theo em A phạm tội cướp tài sản theo điều 133 BLHS.

Giải thích: Tội cướp tài sản là dùng vũ lực hoặc đe doa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản.

Dấu hiệu pháp lý của tội cướp tài sản (133 BLHS)

*\* Khách* của tội phạm:

Xâm phạm đến [quyền sở hữu](https://hocluat.vn/wiki/quyen-so-huu/) (chiếm hữu, sử dụng, định đoạt), xâm phạm đến tính mạng, sức khoẻ của người khác. Như vậy, tội “Cướp tài sản” xâm phạm đồng thời hai quan hệ được luật hình sự bảo vệ là quan hệ nhân thân và quan hệ sở hữu.

\* Mặt khách quan của tội phạm:

Theo quy định của điều luật, có 3 dạng hành vi khách quan được coi là hành vi phạm tội của tội cướp tài sản. Đó là: + Hành vi dùng vũ lực; + Hành vi đe doạ dùng vũ lực ngay tức khắc; + Hành vi làm cho người khác lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Cả ba hành vi trên đều có mục đích  nhằm chiếm đoạt tài sản.

*\* Chủ thể* của tội phạm:

Là chủ thể thường chỉ đòi hỏi có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định.

\* Mặt chủ quan của tội pham:

+ Lỗi của người phạm tội cướp tài sản là lỗi cố ý.

+ Mục đích của tội cướp tài sản là chiếm đoạt tài sản.

Đối chiếu và tình huống trên ta thấy mặc dù ý định ban đầu của A là thực hiện hành vi trộm cắp nhưng từ lúc A dắt xe ra bị B phát hiện và giữ lại, A dùng chân đạp mạnh và người B, làm B ngã và A đã lên xe và đạp ra ngoài đường để tẩu thoát hành vi này đã đủ cấu thành tội cướp tài sản và lúc này tội trộm cắp tài sản đã chuyển hóa thành tội cướp tài sản, đây chính là hành vi dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản. Kể cả trong trường hợp A đã chiếm đoạt được chiếc xe đạp bằng thủ đoạn của tội trộm cắp nhưng ngay sau đó đã bị phát hiện và A đã tấn công lại B bằng những thủ đoạn của tội cướp nhằm giữ bằng được chiếc xe đạp đã chiếm đoạt trước đó thì vấn bị xử tội cướp tài sản. Hành vi tấn công B ( dùng chân đạp mạnh vào người B làm B ngã và lên xe và đạp ra ngoài đường để tẩu thoát không thể được coi là tình tiết hành hung để tẩu thoát theo điểm d khoản 2 điều 138 BLHS được vì trường hợp hành hung để tẩu thoát là người phạm tội đã có hành vi dùng sức mạnh chống trả lại việc bắt giữ để tẩu thoát. Mục đích của việc chống trả là nhằm để tẩu thoát chứ không phải nhằm mục đích giữ bằng được tài sản vừa mới chiếm đoạt được. Mà theo mô tả trên thì A tấn công B không phải nhằm mục đích tẩu thoát mà nhằm mục đích giữ bằng được chiếc xe đạp vì vậy đây là hành vi dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản nên tội trộm cắp đã chuyển hoá thành tội cướp tài sản.

Trích: [Thông tư](https://hocluat.vn/wiki/thong-tu/) liên tịch của Toà án nhân dân tối cao, [Viện kiểm sát nhân dân](https://hocluat.vn/wiki/vien-kiem-sat-nhan-dan/) tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25 tháng 12 năm 2001 về việc Hướng dẫn áp đụng một số quy định tại chương XIV “Các tội xâm phạm sở hữu” của Bộ luật hình sự năm 1999:

6. Khi áp đụng tình tiết “hành hung để tẩu thoát” (điểm đ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 137; điểm đ khoản 2 Điều 138 BLHS) cần chú ý:

6.1. Phạm tội thuộc trường hợp “hành hung để tẩu thoát” là trường hợp mà người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi chống trả lại người bắt giữ hoặc người bao vây bắt giữ như đánh, chém, bắn, xô ngã… nhằm tẩu thoát.

6.2. Nếu người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bịngười bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản, thì trường hợp này không phải là “hành hung để tẩu thoát” mà đã có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội cướp tài sản

Trong tình huống trên, mặc dù A cho là lên xe đạp để tẩu thoát nhưng xe đạp là xe của ông D, việc A tẩu thoát cùng với xe đạp của người bị hại phải bị coi là chiếm đoạt tài sản chứ không thể coi là A “mượn tạm” để tẩu thoát. Ai thực hiện hành vi phạm tội xong cũng đều có mục đích tẩu thoát. Nhưng trong trường hợp này, mục đích của A không chỉ đơn thuần là tẩu thoát mà còn là chiếm đoạt.

Như vậy, qua sự phân tích và căn cứ vào hướng dẫn trên ta khẳng định rằng A phạm tội cướp tài sản theo điều 133 BLHS, (do tội Cướp tài sản là tội có cấu thành hình thức nên tội phạm đã hoàn thành từ khi A dùng chân đạp vào B để lấy cho bằng được chiếc xe), chứ không phải tội trộm cắp tài sản với tình tiết “hành hung để tẩu thoát” (điểm d khoản 2 điều 138 BLHS).

Theo em, thì thực chất, cái mà chúng ta gọi là “chuyển hoá” chẳng qua là đã bỏ đi một tội cho người phạm tội. Khi A lén vào nhà B dắt xe ra, A đã thực hiện hết các hành vi có thể có trong tội Trộm cắp tài sản, nhưng chưa ra khỏi phạm vi kiểm soát của B (chưa ra khỏi nhà) thì bị phát hiện nên A phạm tội chưa đạt (đã hoàn thành). Tính nguy hiểm của hành vi này được thu hút vào hành vi Cướp tiếp theo nên chúng ta gọi là chuyển hoá thành tội “Cướp tài sản”./.

## Tình huống 6

A bị lôi kéo tham gia vào tổ chức phản động trong nước. Khi thấy tính hình xã hội có nhiều biến động, để gây thêm thanh thế của tổ chức, thu hút sự chú ý của dư luận trong và ngoài nước, A nhận nhiệm vụ ném lựu đạn vào nhà chủ tịch huyện K (huyện giáp biên giới) nhằm giết chết ông K và làm suy yếu chính quyền. A ném lựu đạn vào nhà nhưng lựu đạn không nổ. Sau đó A bị bắt.

**Hỏi:**

1. Hay xác định các khẳng định sau là đúng hay sai và giải thích tại sao?

a. A phạm [tội giết người](https://hocluat.vn/wiki/toi-giet-nguoi/)?

b. [Tội phạm](https://hocluat.vn/wiki/toi-pham/) do A thực hiện ở giai đoạn tội phạm hoàn thành?

2. Phân tích sự khác nhau giữa [tội khủng bố](https://hocluat.vn/wiki/toi-khung-bo/) và tội giết người?

**Lời giải**

**1 . Hay xác định các khẳng định sau là đúng hay sai và giải thích tại sao?**

a. A phạm tội giết người? **Sai**

Nếu xét các dấu hiệu cảu [mặt khách quan](https://hocluat.vn/wiki/mat-khach-quan/) thì hành vi của A cũng tương tự tội giết người. Đối với tội giết người, mục đích không phải là dấu hiệu bắt buộc, dấu hiệu định tội nhưng nếu giết người có mục đích làm suy yếu chính quyền nhân dân thì đã thỏa mãn CTTP tội khủng bố. Hành vi của A không đơn thuần chỉ là hành vi giết một con người cụ thể mà hành vi của A để gây thêm thanh thế cho tổ chức, thu hút sự chú ý của dư luận trong và ngoài nước, từ đó nhằm làm suy yếu chính quyền. Mặt khác, K là một chủ tịch huyện, với vai trò cán bộ [nhà nước](https://hocluat.vn/wiki/nha-nuoc/), lại ở giáp biên giới, nơi thường bị các lực lượng thù địch lợi dụng chống phá. Như vậy, xét về tính chất nguy hiểm cho xã hội thì hành vi của A là đặc biệt nguy hiểm, xâm phạm đến an ninh [quốc gia](https://hocluat.vn/wiki/quoc-gia/). Chính vì thế, A không phạm tội giết người mà là phạm tội khủng bố theo điều 84 BLHS .

b. Tội phạm do A thực hiện ở giai đoạn tội phạm hoàn thành?***Sai***

Về căn cứ pháp lý, CTTP tội khủng bố là CTTP vật chất, là CTTP có các dấu hiệu của mặt khách quan là hành vi, hậu quả và mối quan hệ giữa hành vi và hậu quả.

Mặt khác, tội khủng bố có 2 loại hậu quả:

Hậu quả trực tiếp: chết người, thương tích, tự do thân thể bị tước đoạt hoặc bị hạn chế. Đây chính là dấu hiệu bắt buộc của tội khủng bố, và nó hoàn thành khi hậu quả trực tiếp xảy ra. Hậu quả này là phương tiện để người phạm tội đạt được kết quả suy yếu chính quyền nhân dân.

Hậu quả gián tiếp: thông qua hậu quả trực tiếp, người phạm tội có thể làm suy yếu chính quyền. Tuy nhiên hậu quả này không phải là dáu hiệu bắt buộc của CTTP tội khủng bố.

Xét về lý luận, CTTP vật chất hoàn thành khi hậu quả đã xảy ra, xét với tội khủng bố tức là cả 2 hậu quả đều xảy ra. Tuy nhiên, rất khó để xác định, thậm chí là không thể xác định được chính quyền đã suy yếu hay chưa, nếu suy yếu thì nó ở mức độ nào, và nhà nước cũng không thể công bố kết quả ra được vì nguyên nhân chính trị. . . Như vậy tội khủng bố hoàn thành khi hậu quả trực tiếp xảy ra.

Xét vào vụ án trên, A đã có hành vi ném lựu đạn vào nhà với ý muốn giết chết K, nên hành vi của A không thể là hành vi quy định tại khoản 3 điều 84: “đe dọa xâm phạm tính mạng” mà là hành vi quy đinh tại khoản 1 nhưng ở giai đoạn phạm tội chưa đạt vì hậu quả chết người chưa xảy ra.

**2. Phân tích sự khác nhau giữa tội khủng bố và tội giết người?**

Khái niệm:

– Tội khủng bố: là hành vi xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm tính mạng , sức khỏe, tự do thân thể của cán bộ, công chức hoặc công dân nhằm chống chính quyền nhân dân.

Được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 điều 84 BLHS.

– Tội giết người: là hành vi cố ý tước đoạt trái [pháp luật](https://hocluat.vn/wiki/phap-luat/) tính mạng người khác.

Được quy đinh tại khoản 1, 2, 3 điều 93 BLHS.

Phân tích sự khác nhau:

 \* Khách thể của tội phạm

Tội khủng bố xâm phạm: sự vững mạnh của chính quyền nhân dân, xâm phạm an ninh đối ngoại – đe dọa đến quyền cơ bản nhất của quốc gia, thông qua việc xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tự do thân thể của con người.

Đối tượng tác động của tội khủng bố thường là những cán bộ cốt cán, những thành viên tích cực trong các hoạt động xã hội, những công dân có đóng góp nhiều trong hoạt động [quản lý nhà nước](https://hocluat.vn/quan-ly-nha-nuoc/), quản lý xã hội và cũng có thể là người nước ngoài nhằm gây khó khăn cho quan hệ đối ngoại của Việt Nam.

Tội giết người xâm phạm đến quyền sống – quyền cơ bản nhất, quan trọng nhất của con người.

Đối tượng tác động của tội giết người có thể là bất kì ai có quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng, đó là những con người cụ thể, đang tồn tại trong thế giới khách quan.

\* Mặt khách quan của tội phạm

– Hành vi:

Hành vi khách quan của tội giết người là hành vi tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác – xâm phạm đến tính mạng của một hay những con người cụ thể.

Đối với tội khủng bố, ngoài hành vi xâm phạm đến tính mạng còn có hành vi xâm phạm đến sức khỏe, tự do thân thể của con người. Đó có thể là giết người (khoản 1), cố ý gây thương tích, bắt giữ (khoản 2), dọa giết hoặc có hành vi khác uy hiếp tinh thần như dọa đốt nhà, dọa tố cáo. . . (khoản 3).

– Hậu quả:

Tội giết người chỉ gây ra một loại hậu quả, đó là hậu quả chết người (hậu quả trực tiếp) và hậu quả đó là dấu hiệu bắt buộc trong CTTP tội giết người, nói cách khác, tội giết người hoàn thành khi hậu quả chết người xảy ra.

Tội khủng bố có thể gây ra 2 loại hậu quả:

Hậu quả trực tiếp: có thể là chết người, thương tích, tự do thân thể bị tước đoạt hoặc bị hạn chế. Đây chính là dấu hiệu bắt buộc của tội khủng bố, và nó hoàn thành khi hậu quả trực tiếp xảy ra. Hậu quả này là phương tiên để người phạm tội đạt được kết quả suy yếu chính quyền nhân dân.

Hậu quả gián tiếp: thông qua việc xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tự do thân thể của cán bộ, công chức hay công dân, người phạm tội có thể làm suy yếu chính quyền. Tuy nhiên hậu quả này không phải là dáu hiệu bắt buộc của CTTP tội khủng bố, nguyên nhân ngoài tính chất đặc biệt nguy hiểm của tội khủng bố còn có thể là rất khó để xác định chính quyền đã suy yếu hay chưa, ở mức độ nào, và nhà nước cũng không thể công bố kết quả ra được. . .

\* Mặt chủ quan của tội phạm

– Lỗi:

Cùng là lỗi cố ý nhưng tội khủng bố được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Nguời phạm tội nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình thực hiện,  thấy được hậu quả (thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của người khác) nhưng mong muốn hậu quả đó xảy ra (nhằm làm suy yếu chính quyền nhân dân) .

Ngoài lỗi cố ý trực tiếp, tội giết người còn được thực hiện với lỗi cố ý gián tiếp, tuy rằng nhận thức được và thấy trước hậu quả có thể xảy ra nhưng người phạm tội lại để mặc cho hậu quả xảy ra, có ý thức chấp nhận hậu quả xảy ra .

– Mục đích:

Mục đích, không phải là dấu hiệu bắt buộc trong CTTP tội giết người, nó không có ý nghĩa trong việc định tội mà có ý nghĩa trong việc định khung [hình phạt](https://hocluat.vn/wiki/hinh-phat/) hoặc định hình phạt.

Chống chính quyền nhân dân là dấu hiệu bắt buộc trong các tội xâm phạm [an ninh quốc gia](https://hocluat.vn/wiki/an-ninh-quoc-gia/). Cụ thể đối với tội khủng bố mục đích là làm suy yếu chính quyền. Sỡ dĩ quy định như thế là vì các tội xâm phạm an ninh quốc gia có tích chất nguy hiểm đặc biệt, ý chí ngông cuồng cao độ, nhằm chống lại nhà nước, muốn thay đổi chế độ xã hội, chính vì thế phải có chính sách [hình sự](https://hocluat.vn/wiki/hinh-su/) đặc biệt hơn các tội phạm thông thường. Hơn thế nữa, các tội xâm phạm an ninh quốc gia nói chung và tội khủng bố nói riêng, các tình tiết của vụ án rất giống các loại tội phạm khác, chính vì thế mục đích của người phạm tội mới thể hiện rõ bản chất phạm tội của họ.

\* Chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội phạm là người có năng lực TNHS, đạt độ tuổi luật định và đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể.

Thấy rằng “người có năng lực TNHS” và “đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể”, cả 2 tội đều giống nhau, áp dụng điều 12 BLHS, ta dễ dàng nhận thấy rằng:

Chủ thể của tội khủng bố điều 84 BLHS, có thể là người từ 14 tuổi đối với khoản 1, khoản 2, còn đối với khoản 3 thì là 16 tuổi trở lên. Đối với tội giết người, chủ thể luôn là người từ 14 tuổi trở lên, cả khoản 1 lẫn khoản 2.

**Tóm gọn lại như sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tội khủng bố (Đ. 84 BLHS)** | **Tội giết người (Đ. 93 BLHS)** |
| Khách thể của tội phạm | - sự vững mạnh của chính quyền nhân dân  - thường là những người có tầm quan trọng | - quyền sống của con người.  - conngười, bất kì ai, đang sống |
| Mặt khách quan của tội phạm | - hành vi: xâm hại ngoài tính mạng còn : sức khỏe, tự do thân thể. . .  - hậu quả:  + trực tiếp: chết người, thương tích,. . .  + gián tiếp: suy yếu chính quyền | - hành vi: xâm hại tính mạng.  - hậu quả: chết người. |
| Mặt chủ quan của tội phạm | - lỗi: + lỗi cố ý trực tiếp  - mục đích: làm suy yếu chính quyền nhân dân ( dấu hiệu bắt buộc ) | - lỗi cố ý bao gồm:  + trực tiếp  + gián tiếp  - mục đích: không bắt buộc. |
| Chủ thể của tội phạm | - tuổi:  + 14 trở lên đối với K1, K2  + 16 tuổi trở lên đối với K3 | - tuổi: từ 14 tuổi trở lên. |

## Tình huống 7

Trên đường đi uống rượu về, H và Q phát hiện ra chị B cùng với hai người bạn đang say rượu nằm mê mệt bên lề đường. Thấy chị B đeo nhiều nữ trang bằng vàng, H và Q lấy đi toàn bộ tài sản trị giá 10 triệu đồng. Gần sáng khi cơn say đã hết chị B tỉnh giấc mới biết mình bị mất tài sản và đi báo công an. Về vụ án này có các ý kiến sau đây về tội danh của H và Q :

1. H và Q phạm [tội cướp tài sản](https://hocluat.vn/wiki/toi-cuop-tai-san/);
2. H và Q phạm tội công nhiên [chiếm đoạt tài sản](https://hocluat.vn/wiki/chiem-doat-tai-san/);
3. H và Q phạm [tội trộm cắp tài sản](https://hocluat.vn/wiki/toi-trom-cap-tai-san/).

Anh (chị) hãy xác định ý kiến nào đúng, ý kiến nào sai và giải thích rõ tại sao?

Giả thiết rằng ngoài việc chiếm đoạt tài sản H và Q còn có hành vi [giao cấu](https://hocluat.vn/wiki/giao-cau/) với chị B thì bị chị này phát hiện và kêu cứu, sợ bị lộ H và Q đã bóp cổ làm chị B chết thì H và Q có phải chịu TNHS về hành vi của mình hay không? Nếu có tội thì tội danh cho hành vi của H và Q là gì? Căn cứ pháp lý?

**Lời giải**

**1. H và Q phạm tội cướp tài sản là khẳng định sai vì:**

Theo Điều 133 BLHS năm 1999 quy định : Tội cướp tài sản dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản.

Ta khắng định như vậy là dựa vào dấu hiệu pháp lý sau:

\* Khách thể của tội phạm:

Hành vi cướp tài sản xâm hại đồng thời hai quan hệ xã hội đó là quan hệ nhân thân và quan hệ sở hữu. Sự xâm hại một trong hai quan hệ này đều chưa thể hiện được hết bản chất nguy hiểm của hành vi cướp tài sản, nên cả hai quan hệ này đều chưa thể hiện được hết bản chất nguy hiểm của hành vi cướp tài sản. Do vậy cả hai quan hệ xã hội bị xâm hại đều được coi là khách thể trực tiếp của tội cướp tài sản.

Ở đây H và Q không có bất kỳ hành vi nào là dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hay hành vi khác để đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản mà H, Q chỉ thực hiện 1 hành vi duy nhất là lấy tài sản trên người chị B khi biết chị đang trong tình trạng say rượu.

\* Mặt chủ quan của tội phạm:

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, biết hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn làm và mong muốn cho hậu quả xảy ra. Bên cạnh việc cố ý thực hiện hành vi phạm tội thì người phạm tội còn có mục đích chiếm đoạt tài sản.

Mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của tội cướp tài sản. Việc giữ tài sản vừa chiếm đoạt được cũng được coi là dạng đặc biệt của mục đích chiếm đoạt. Như vậy, những hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hay làm cho người khác bị tấn công không thể chống cự được nhằm mục đích giữ tài sản vừa chiếm đoạt được cũng bị coi là cấu thành tội cướp tài sản.

Lỗi của H, Q là lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội cả H, Q đều biết mình có hành vi nguy hiểm cho xã hội là xâm phạm quan hệ sở hữu nhưng vẫn làm và mong muốn cho hậu quả đó xảy ra. Khi thấy B và bạn của chị trong tình trạng say rượu H, Q đã không tốn chút công sức nào để chiếm đoạt được tài sản.

Về dấu hiệu mục đích: Khi sử dụng rượu hay các chất kích thích khác thường gây ra sự hưng phấn trong cơ thể nên con người dễ thực hiện những hành vi nằm ngoài sự kiểm soát của bản thân.Trong tình huống này H, Q không hề có sự bàn bạc, thỏa thuận hay rủ nhau uống rượu vào để lợi dụng chất kích thích đi phạm tội. Việc phạm tội nằm ngoài ý chí chủ quan của H, Q. Chỉ khi vô tình nhìn thấy trên người chị B đeo nhiều nữ trang mà chị và các bạn đang ở trong tình trạng say mềm không còn biết gì nữa, không có khả năng phòng vệ nên H, Q mới nảy sinh ý định lấy tài sản.

Như vậy căn cứ trên đã chứng tỏ H, Q không phạm tội cướp tài sản theo Đ133BLHS năm 1999.

**2. H và Q phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là khẳng định sai vì:**

Theo [luật hình sự](https://hocluat.vn/luat-hinh-su/) Việt Nam thì công nhiên chiếm đoạt tài sản là hành vi lợi dụng sơ hở, vướng mắc của người quản lý tài sản để lấy tài sản một cách công khai.

\* Mặt khách quan của tội phạm:

Do đặc điểm riêng của tội này nên người phạm tội chỉ có một hành vi khách quan duy nhất là “chiếm đoạt” nhưng bằng hình thức công khai với thủ đoạn lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản hoặc lợi dụng vào hoàn cảnh khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh…

Tính chất công khai, trắng trợn tuy không phải là hành vi khách quan nhưng lại là một đặc điểm cơ bản đối với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản. Công nhiên chiếm đoạt tài sản trước hết là công nhiên với chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản, sau đó là công nhiên với mọi người xung quanh.

Ta thấy về hành vi phạm tội, thì hành vi chiếm đoạt tài sản là hành vi có tính chất chiếm đoạt. Đây là dấu hiệu bắt buộc đòi hỏi người phạm tội phải có hành vi chiếm đoạt. Như vậy hành vi chiếm đoạt không còn là mục đích hành động mà phải được thực hiện trong thực tế.

Ở trường hợp này cả H và Q đã có hành vi chiếm đoạt là lấy tài sản của chị B, dấu hiệu chiếm đoạt ở đây mới nhìn có vẻ rất công khai nhưng thực tế lại không như vậy. Việc chiếm đoạt tài sản của H và Q đối với chị B được thực hiện một cách từ từ, từ khi bắt đầu cho tới khi kết thúc hành vi phạm tội, chính hành vi này đã làm cho ta lầm tưởng rằng H và Q không có ý định che giấu hành vi phạm tội của mình. Tuy vậy cả H và Q đều có hành vi che giấu việc thực hiện tội phạm. H và Q có công nhiên đối với tài sản nhưng lại có hành vi che giấu với chủ sở hữu tài sản là chị B và mọi người xung quanh mà cụ thể ở đây là những người bạn của chị B. Việc chiếm đoạt tài sản của H và Q không công khai nhưng do hoàn cảnh khách quan thuận lợi là trời tối vắng vẻ, chị B và những người bạn đều trong tình trạng say không biết gì đang xảy ra nên không có điều kiện ngăn cản. Vì vậy nên sau khi chiếm đoạt được tài sản H và Q đã không cần nhanh chóng lẩn trốn.

\* Mặt chủ quan của tội phạm:

Cũng như đối với tội trộm cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, [tội cưỡng đoạt tài sản](https://hocluat.vn/wiki/toi-cuong-doat-tai-san/) thì tội công nhiên chiếm đoạt tài sản cũng được thực hiện do lỗi cố ý. Mục đích của người phạm tội là mong muốn chiếm đoạt được tài sản.

Mục đích chiếm đoạt tài sản của người phạm tội bao giờ cũng có trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Khác với tội xâm phạm sở hữu khác thì người phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản không thể có mục đích chiếm đoạt tài sản trong hoặc sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt vì hành vi chiếm đoạt đã bao gồm cả mục đích của người phạm tội. Vì vậy mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc của chủ thể tội công nhiên chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, ngoài mục đích chiếm đoạt tài sản thì người phạm tội còn có thể có mục đích khác cùng với mục đích chiếm đoạt hoặc chấp nhận mục đích chiếm đoạt của người đồng phạm khác.

Như trên đã phân tích thì H và Q thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và không có mục đích chuẩn bị phạm tội từ trước, hành vi phạm tội hoàn toàn là do điều kiện khách quan mang lại. Việc chiếm đoạt tài sản đã có chủ của H và Q được tiến hành khi họ biết chị B và những người bạn của chị đều trong tình trạng hạn chế về năng lực hành vi không có điều kiện để ngăn cản. Mặc dù chính lúc này chị B phải có đủ điều kiện và có thể kêu cứu để ngăn chặn kịp thời hành vi phạm tội của H và Q.

Như vậy H và Q không phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản theo Điều 137 BLHS năm 1999.

**3: H và Q phạm tội trộm cắp tài sản là khẳng định đúng vì:**

Tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản đang có chủ.

Ta thấy hành vi phạm tội của H và Q đã thỏa mãn các dấu hiệu được quy định trong [cấu thành tội phạm](https://hocluat.vn/wiki/cau-thanh-toi-pham/) của tội trộm cắp tài sản, cụ thể là:

\* Chủ thể của tội phạm: Đối với tội trộm cắp tài sản thì chủ thể của tội phạm cũng giống như đối với các tội xâm phạm sở hữu khác đều là chủ thể thường tức là đủ năng lực chịu [trách nhiệm hình sự](https://hocluat.vn/wiki/trach-nhiem-hinh-su/) (Điều13 BLHS)và đạt độ tuổi luật quy định (Điều12 BLHS).

Ở đây đề bài không nêu H và Q có dấu hiệu hạn chế về năng lực hành vi, mắc bệnh tâm thần… và độ tuổi nên ta mặc nhiên coi H và Q đã đủ tuổi và không ở trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự.

\* Khách thể của tội phạm:

Khách thể của tội trộm cắp tài sản cũng tương tự như những tội có tính chất chiếm đoạt khác, nhưng tội trộm cắp tài sản không xâm phạm đến quan hệ nhân thân mà chỉ xâm phạm đến quan hệ sở hữu. Đây cũng là một điểm khác với các tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, [tội cướp giật tài sản](https://hocluat.vn/wiki/toi-cuop-giat-tai-san/),®Æc điểm này được thể hiện trong cấu thành tội trộm cắp tài sản. Điều luật không quy định thiệt hại về tính mạng, sức khỏe là tình tiết định khung hình phạt vì vậy nếu sau khi đã chiếm đoạt được tài sản người phạm tội bị đuổi bắt có hành vi chống trả để tẩu thoát gây chết người, gây thương tích thì tùy từng trường hợp mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội trên.

Trong trường hợp đề bài nêu thì H và Q cũng chỉ có hành vi xâm phạm đến quan hệ sở hữu. Vì khi lấy tài sản thì chủ sở hữu tài sản là chị B và các bạn của chị đang trong tình trạng say, không có điều kiện để ngăn cản hành vi phạm tội của H và Q, hơn nữa khi đó trời lại tối và vắng vẻ. Do đó cả H và Q không có ý định hay hành vi nào nhằm đối phó lại chị B và những người xung quanh.

\* Mặt khách quan của tội phạm:

Do đặc điểm của tội trộm cắp tài sản, nên người phạm tội chỉ có hành vi duy nhất là “chiếm đoạt” nhưng chiếm đoạt bằng hình thức lén lút. Với thủ đoạn lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản. Hành vi chiếm đoạt của tội trộm cắp tài sản có hai dấu hiệu phân biệt với hành vi chiếm đoạt của những tội khác đó là dấu hiệu lén lút và dấu hiệu tài sản đang có chủ.

Lén lút là dấu hiệu có nội dung trái ngược với dấu hiệu công khai. Nó vừa chỉ đặc điểm khách quan của hành vi chiếm đoạt vừa chỉ ý thức chủ quan của người thực hiện hành vi đó. Hành vi chiếm đoạt có đặc điểm là lén lút và ý thức chủ quan của người thực hiện cũng là lén lút.

Hành vi chiếm đoạt được coi là lén lút nếu được thực hiện bằng hình thức mà nó có khả năng không cho phép chủ tài sản biết. Ý thức chủ quan của người phạm tội là lén lút nếu khi thực hiện hành vi chiếm đoạt người phạm tội có ý thức che dấu hành vi phạm tội.

Tài sản là đối tượng của tội trộm cắp tài sản là tài sản đang có chủ. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản ở tội này phải là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản đang có chủ. Đó là tài sản đang ở trong sự chiếm hữu của người khác, nghĩa là đang nằm trong sự chi phối về mặt thực tế của chủ tài sản hoặc người có trách nhiệm và tài sản đang còn nằm trong khu vực quản lý, bảo quản của chủ tài sản.

Xét về khách quan, chỉ những tài sản trên mới là đối tượng của tội trộm cắp tài sản. Xét về chủ quan, người phạm tội khi thực hiện hành vi phạm tội cũng biết tài sản chiếm đoạt có đặc điểm đang có chủ.

Vì đặc điểm nổi bật của tội trộm cắp tài sản là người phạm tội lén lút (bí mật) lấy tài sản mà chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản không biết mình bị lấy tài sản, chỉ sau khi mất họ mới biết mình bị mất tài sản. Ở đây H và Q đã có hành vi lén lút mà không công khai. Sự lén lút trong việc phạm tội thể hiện ở việc lợi dụng chủ sở hữu đang trong tình trạng say rượu không biết gì để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chủ tài sản là chị B.Vì say mềm nên chị B và hai người bạn không hề biết bị H và Q lấy mất tài sản, chỉ sau khi tỉnh rượu thì họ mới biết là mình bị mất tài sản và đi báo công an.

Tính chất lén lút của hành vi trộm cắp tài sản còn thể hiện ở chỗ người phạm tội che giấu hành vi phạm tội của mình. Lén lút đối lập với công khai, trắng trợn. Tuy nhiên lén lút không phải là đặc trưng duy nhất của tội trộm cắp tài sản mà trong nhiều trường hợp người phạm tội cũng lén lút để thực hiện mục đích khác như lẻn vào nhà người khác để đặt mìn nhằm giết hại những người trong gia đình của họ, lẻn vào phòng ngủ của phụ nữ để thực hiện việc [hiếp dâm](https://hocluat.vn/wiki/hiep-dam/)…vì vậy khi nói đến trộm cắp tài sản thì không thể không đi kèm với hành vi chiếm đoạt tài sản, nếu lén lút mà không chiếm đoạt tài sản thì không phải là trộm cắp tài sản.

Ở đây H và Q đã lén lút lấy đi số nữ trang của chị B trị giá 10 triệu đồng, tuy công khai với tài sản nhưng cả H và Q đều có hành vi lén lút với chủ tài sản là chị B và những người xung quanh nhằm che giấu hành vi phạm tội của mình.

\* Mặt chủ quan của tội phạm:

Tội trộm cắp tài sản được thực hiện với lỗi cố ý. Mục đích của người phạm tội là mong muốn chiếm đoạt được tài sản.

Mục đích chiếm đoạt tài sản của người phạm tội bao giờ cũng có trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Vì vậy có thể nói mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc của chủ thể tội này. Tuy nhiên, ngoài mục đích chiếm đoạt tài sản người phạm tội còn có thể có mục đích khác.

Khi trên đường về phát hiện ra chị B và những người bạn của chị do say rượu không biết gì đang nằm mê mệt bên lề đường và trên người chị B có đeo nhiều nữ trang bằng vàng có giá trị nên H và Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Tuy không có chủ định,bàn bạc từ trước và việc phạm tội cũng hoàn toàn là do điều kiện khách quan mang lại nhưng lỗi mà H và Q thực hiện là lỗi cố ý chiếm đoạt tài sản đang có chủ sở hữu.

Từ những phân tích trên chứng tỏ hành vi phạm tội của H và Q đã đủ dấu hiệu cấu thành tội trộm cắp tài sản theo Điều 138 BLHS năm 1999.

## Tình huống 8:

T, H, K là cựu [sĩ quan](https://hocluat.vn/wiki/si-quan/) của chính quyền Sài gòn có sự thù ghét mất mãn với chính quyền mới. Thấy hoạt động chống phá chính quyền trong nước gặp nhiều khó khăn cần có sự dúp đỡ của nước ngoài. T, H, K đã liên hệ với  một tổ chức phản động ở nước ngoài. Theo thoả thuân, tổ chức phản động nước ngoài sẽ đón cả bọn tại hải phận quốc tế. T, H, K thuê A ngư dân dùng thuền đưa bọn chúng ra hải phân quốc tế với giá 15 cây vàng. Biết rõ mục đích chống chính quyền của chúng nhưng do tham tiền nên A vẫn chở bọn chúng đi.

**Hỏi:**

1. Các khẳng định sau đây đúng hay sai? giải thích?

1. T, H,K phạm tội nhằm lật đổ chính quyền nhân dân?
2. Tội phạm do T, H, K thực hiên ở giai đoạn phạm tội hoàn thành?
3. A là người đồng phạm

2. Phân tích các dấu hiệu pháp lý của tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân.

**Lời giải**

**1. Các khẳng định sau đây đúng hay sai? giải thích?**

a. T, H, K có phạm tội nhằm lật đổ chính quyền nhân dân – ***Đúng***

Theo điều 79 BLHS năm 1999 quy định:

**Điều 79:**

Người nào hoạt đông, thành lập, tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân thỉ bị phạt tù như sau:

Người tổ chức người xúi dục, người hoạt động đắc lực hoặc gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười hai đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Người đồng phạm khác thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm.

Ta thấy hành vi của T, H, K đã có đủ dấu hiệu cấu thành tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân.

Khách thể của tội này là xâm phạm sự tồn tại cuả chính quyền nhân dân. Thấy hoạt động chống chính quyền trong nước gặp nhiều khó khăn cần có sự tiếp sức của nước ngoài T, H, K đã liên hệ với một tổ chức  phản động nước ngoài như vây về mặt khách quan thì K, H, T đã tham gia vào tổ chức phản động của nước ngoài nhằm tạo thêm sức mạnh để tiến tới hoạt động nhằm lật đổ chính quyền mới.

Mặt chủ quan của tội phạm được thực hiện với hình thức lỗi cố ý trực tiếp mục đích của T, H, K là lật đổ chính quyền nhân dân. mặc dù nhận thức được hành vi của mình, thấy rõ được hậu quả của hành vi đó có mức độ nguy hiểm cao ngây ra hoặc có khả năng gây ra thiệt hại cho các quan hệ xã hội thuộc lĩnh vực an ninh quốc gia, tức là sức mạnh và sự tồn tại của chế độ nhà  nước, chế độ xã hội, lợi ích cơ bản của [dân tộc](https://hocluat.vn/wiki/dan-toc/), sự đoàn kết thống nhất của toàn dân,an toàn chung xét trên quy mô quốc gia nhưng chúng vấn thực hiện và mong muốn cho hậu quả xẩy ra, hậu quả xẩy ra là hoàn toàn phù hợp với mục đích của chúng

Chủ thể của tội hoạt động nhăm lật đổ chính quyền nhân dân là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định.

Khoản 1 điều 12 BLHS năm 1999 quy định về tuổi chiụu trách nhiệm hình sự “ Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm về mọi loại tội phạm”. Tại khoản 1 điều 13 quy định về tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự “ Người nào thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình thì không phải chịu trách nhiệm hình sự, đối với những người này phải áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc.”. Căn cứ vào hai điều luật này ta thấy T,H, K là cựu sĩ quan của chính quyền Sài gòn nên đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và không trong tình trạng khôg có năng lực trách nhiệm hình sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội T, H, K đã đủ điều kiện là chủ thể của tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân đân.

Qua sự phân tích trên ta thấy tội phạm mà T, H, K thực hiện là tôị hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân.

b. Tội phạm do T, H, K thực hiện ở giai đoạn tội phạm hoàn thành –  ***Đúng***

Biểu hiện cụ thể của hành vi tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân rất đa dạng phong phú. Có thể nhận lời tham gia dưới hình thức thoả thuân miện, cũng có thể bằng hình thức văn bản như viết đơn, cam đoan xin gia nhập tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân… một người được coi là tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân khi nhân lời tham gia  tổ chức đó, không cần xét đến đã làm lễ kết  nạp, ăn thề hay chưa, có tên trong danh sách tổ chức hay không, hoặc đã tiến hành những hoạt động tội phạm cụ thể theo sự phân công, chỉ đạo của tổ chức hay chưa. Như vậy sự tham gia ở đây là sự [tự nguyện](https://hocluat.vn/wiki/tu-nguyen/), nhận  thức được tính chất phạm tội của tổ chức còn các trường hợp khác do bị [cưỡng bức](https://hocluat.vn/wiki/cuong-buc/), lừa bịp hoặc do bị lạc hậu về nhận thức nên đã nhận lời tham gia tổ chức thì phải xem xét đánh giá điều kiện hoàn cảnh của từng trường hợp

Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân có cấu thành tội phạm cắt xén tức là chỉ có dấu hiệu hành vi mà không có dấu hiệu hậu quả. cấu thành tội phạm cắt xén khác với cấu thành tội phạm hình thức là dấu hiệu hành vi trong cắt xén không phải là sự phản ảnh chính hành vi phạm tội mà là hành vi “hoạt động” nhằm thực hiện hành vi đó, hành vi phạm tội của loại tội có cấu thành tội phạm cắt xén phản ảnh.

Trong cấu thành tội phạm của tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân dấu hiệu hành vi phản ảnh tất cả những hoạt động nhằm thành lập hoặc tham gia tổ chức – có mục đích lật đổ chính quyền chứ không phản ảnh chính hành vi thành lập hoặc tham gia là hai loại hành vi phạm tội của loại tội này. Vì vậy tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân được coi là hoàn thành từ thời điểm người phạm tôi thực hiện hoạt động thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Tổ chức phạm tội có thể hoàn thành hoặc chưa hoàn thành người tham gia  tổ chức có những hành động cụ thể theo kế hoạch của tổ chức hoặc chưa có hành động cụ thể gì, điều đó chỉ có giá trị trong đánh gía mức độ phạm tội, để [quyết định](https://hocluat.vn/wiki/quyet-dinh/) hình phạt và hình thức xử lý tương xứng chứ không có giá trị trong xác định cấu thành tội phạm hay không, khi có hành vi thành lập hoặc tham gia tổ chức thì tội phạm được xác định là hoàn thành.

Ở đây T, H, K có sự thù ghét bất mãn với chính quyền nhân dân, thấy hoạt động chống phá trong nước  gặp nhiều khó khăn cần sự tiếp sức của tổ chức phản động nước ngoài K, T, H đã lên hệ với tổ chức phản động nước ngoài và theo thoả thuận tổ chức phản động nước ngoài sẽ đón cả bọn tại hải phận quốc tế như vậy mặc dù T, H, K chưa có hành động cụ thể nhưng bọn chúng đã có hành vi liên hệ với tổ chức phản động nước ngoài để tìm sự dúp đỡ và đã trốn ra nước ngoài để thuận lợi hơn cho việc hoạt động nhằm chống phá chính quyền nhân dân. Vì vậy tội phạm do T, H, K thực hiện ở giai đoạn tội phạm đã hoàn thành.

c. A là người đồng pham –***Đúng***

Tại khoản 1 điều 20 BLHS năm 1999 quy định “ Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”.

Đồng phạm là một hình thức phạm tội đặc biệt thể hiện quy mô và tính chất nguy hiểm hơn của tội phạm như tinh vi hơn xảo quyệt hơn táo bạo và liều lĩnh hơn có bàn bạc và lên kế hoạch…hơn so với tội phạm riêng rẽ.

\* Về mặt khách quan đồng phạm có hai dấu hiệu:

Thứ nhất là phải có ít nhất từ hai người trở lên và những người này có đủ điều kiện về chủ thể của tội phạm.

Thứ hai là những người đồng phạm phải cùng tham gia vào một tội phạm sự tham gia này thể hiện một trong 4 hành vi là Tổ chức, thực hành, xúi dục và dúp sức, tương ứng với bốn hành vi đó là có bốn lại người đồng pham.

**\* Về mặt chủ quan**

Tội phạm được thực hiện do đồng phạm phải là tội cố ý. Những người đồng phạm đều cố ý thực hiện tội phạm hoặc biết và mong muốn sự cố ý của người khác khi cùng  thực hiên tội phạm. về lý trí mọi người đồng phạm đều  nhận thức rõ hành vi của mình và của người khác trong vụ đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội và cùng thấy trước được hậu quả của hành vi đó họ đều ý thức được hành vi của minh là môt bộ phận, một mắt xích trong quá trình thực hiện vụ đồng phạm, hành động của người này là điều kiện là tiền đề cho hành động của người kia và cho tất cả những đồng phạm khác. Về mặt ý chí mọi đồng phạm đều mong muốn  hậu quả xẩy ra hoặc có ý để mặc cho hậu quả xẩy ra. Trong trường hợp này A đóng vai trò là người dúp sức. Khoản 2 điều 20 quy định “người dúp sức là người tạo ra những điều kiện về vật chất hay tinh thần cho việc thực hiện tội phạm”

T, H, K đã [thuế](https://hocluat.vn/wiki/thue/) A là ngư dân dùng thuyền đưa bọn chúng ra hải phận quốc tế với giá mười lăm cây vàng  biết rõ mục đích chống chính quyền của T, H, K nhưng A do tham lam nên vẫn chở bọn chúng trốn đi. Hành vi dúp sức qua hành động của A đã tạo điều kiện thuận lợi dễ dàng cho vịêc thực hiên tội phạm của T, H, K. Ở đây A không có cùng mục đích hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân với T, H, K nhưng vì động cơ [cá nhân](https://hocluat.vn/wiki/ca-nhan/), tham tiền nên biết rõ A vẫn  chấp nhận mục đích và tạo điều kiện vật chất bằng cách dùng thuyền đưa bọn chúng ra hải phân quốc tế. Về mặt lý trí A nhận thức rõ hành vi của mình trong vụ đồng phạm là nguy hiểm và có thể thấy trước hậu quả là T, H, K trốn thoát ra nước ngoài kết hợp với tổ chức phản động nước ngoài sẽ có những hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Đối với A hậu quả chính quyền nhân dân có bị lật đổ hay không A không quan tâm, cải mà A quan tâm chỉ là mười lăm cây vàng mà T, H, K dùng để thuê A chở bọn chúng trốn thoát.

Như vậy trong vụ này A là người đồng phạm  đóng vai trò là người dúp sức.

**2: Phân tích các dấu hiệu pháp lý của tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân.**

Theo quy định của điều luật mục đích của tội phạm là nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, thay đổi [chế độ chính trị](https://hocluat.vn/wiki/che-do-chinh-tri/), chế độ kinh tế và xã hội đã được [hiến pháp](https://hocluat.vn/wiki/hien-phap/) ghi nhận. Để đạt được mục đích đó người phạm tội đã tiến hành thành lâp, tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, xâm hại đến những quan hệ xã hội được luật hính sự bảo vệ là sự tồn tại sự vững mạnh của nhà nước của chế độ xã hội [chủ nghĩa](https://hocluat.vn/wiki/chu-nghia/). Vì vậy khách thể trực tiếp của tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân thể hiên đầy đủ tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm này là sự tồn tại, sự vững mạnh của nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

\* Về mặt khách quan:

Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân thể hiện ở những hành vi sau:

Thành lập tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Hoạt động thành lập do người tổ chức tiến hành, chính hoạt động thành lập của người tổ chức dẫn đến tổ chức phạm tội được hình thành tồn tại và phát triển nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Hoạt động thành lập tổ chức có thể được thực hiện dưới các hình thức cụ thể sau:

– Khởi xướng và thành lập tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân đề ra chủ trương, phương hướng kế hoach hoạt động sau khi tổ chức phạm tội được thành lập.

– Tuy không khởi xướng việc thành lập tổ chức nhưng trực tiếp đứng ra thành lập tổ chức tuyên truyền lôi kéo người khác tham gia vào tổ chức phạm tội

– Bàn bạc thảo luận về việc thành lập tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, phân công nhau tiến hành những hoạt động cần thiết cho tổ chức phạm tội ra đời.

– Soạn thảo cương lĩnh, điều lệ hoặc vạch ra phương hướng, kế hoạch hoạt động của tổ chức phạm tội.

Một tổ chức được thành lập nhằm lật đổ chính quyền nhân dân có thể đã soạn thảo được cương lĩnh điều lệ cũng có thể chỉ là thoả thuận miệm nội dung quan trọng chính là mục đích lật đổ chính quyền nhân dân của tổ chức phạm tội. Hành vi thành lập tổ chức thường xuất hiện khi tổ chức phạm tội chưa ra đời hoặc trong quá trình hình thành tổ chức. Trong một số trường hợp hành vi này xuất hiện khi tổ chức phạm tội đã được thành lập thâm chí đã tan rã cơ bả về cơ cấu tổ chức.

Tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân:

Đây là hành vi của những người gia  nhập tổ chức phạm tội khi nhận thức được tính chất, mục đích hoạt động của tổ chức đó là lật đổ chính quyền nhân dân. Một người bị quy kết là tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân khi người đó nhận thức được rằng tổ chức mà mình tham gia là tổ chức phạm tội có mục đích lật đổ chính quyền nhân dân mà vẫn tham gia với bất kì vai trò nào trong tổ chức đó. Biểu hiên cụ thể của hành vi tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân rất phong phú và đa dạng. Có thể là nhận lời tham gia  dưới hình thức thoả thuận miệng cũng có thể bằng văn bản như viết đơn cam đoan xin gia nhập tổ chức…một người bị coi là tham gia vào tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân khi nhận lời tham gia tổ chức đó mà không cần xét đến lễ kết nạp ăn thề  hay chưa, có tên trong danh sách tổ chức hay không hoặc đã tiến hành hoạt động tội pham cụ thể theo sự phân công chỉ đạo của tổ chức hay chưa. Như vậy sự tham gia ở đây là tự nguyện, nhận thức được tính chất phạm tội của tổ chức còn các trường hợp bị cưỡng bức, lừa bịp hoặc lạc hậu về nhận thức nên đã nhận lời tham gia tổ chức thì phải xem xét đánh giá điều kiện hoàn cảnh thực tế cụ thể của từng trường hợp để kết luận.

– Nếu hoàn toàn bị lừa bịp không nhận thức được tính chất và mục đích của tổ chức nhưng sau đó đã nhận thức được mục đích của tổ chức là hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân nhưng vẫn không từ bỏ tổ chức đó thì phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân.

Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân được coi là hoàn thành từ thời điểm người phạm tội thực hiện hành vi thành lập hoặc tham gia tổ chức nhăm lật đổ chính quyền nhân dân. Tổ chức phạm tội có thể đã hoàn thành hoặc chưa hoàn thành người tham gia tổ chức có thể đã có hoạt động tội phạm cụ thể theo kế hoạch của tổ chức hoắc chưa có hoạt động cụ thể gì điều đó chỉ có gía trị trong việc đánh giá mức độ phạm tội, để quyết định hình phạt và hình thức xử lý tương xứng chứ không có gía trị trong việc cấu thành tội phạm. Khi có hành vi thành lập hoặc tham gia tổ chức thì tội phạm đã được xác định là hoàn thành.

  \* Chủ thể của tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiêm hình sự và đạt độ tuổi lật định.

\* Mặt chủ quancủa tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân được đặc trưng bởi hình thức lỗi cố ý trực tiếp và mục đích nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Người nào thành lập hoặc tham gia vào tổ chức phạm tội nhưng không nhằm mục đích lật đổ chính quyền nhân dân thì không phải chịu trách nhiêm hình sự về tội này. Khả năng và thực lực của tổ chức không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm của tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Thực tiến đấu tranh chống loại tội này cho thấy bọn tội phạm thường tập hợp lực lượng chuẩn bị [vũ khí](https://hocluat.vn/wiki/vu-khi/) chờ thời cơ thuận lợi sẽ tiến hành lật đổ chính quyền nhân dân. Song cũng không ít trường hợp chúng manh động liều lĩnh chỉ có vài tên đã dùng vũ lực, chống phá chính quyền nhân dân. Cần phải xuất phát từ nguyên tắc rất cơ bản là phải bảo vệ an toàn tuyệt đối sự vững mạnh của chính quyền nhân dân vì thế không phải chờ khi những người phạm tội có hoạt động cụ thể nhằm lật đổ chính quyền nhân dân mới quy kết là phạm tội.

## Tình huống 9

C mua đc 2kg côcain. C thuê Kchuyển số côcain này đến thị xã X cho một người tên là H với tiền công là 20 triệu đồng. Biết là hàng cấm nhưng đang cần tiền nên K đồng ý. Trên đường vận chuyển, vì lo sợ nên K có thái độ lấm lét khi cảnh sát kiểm tra giấy tờ xe và K đã bị đội đặc nhiệm bắt giữ cùng tang vật là gói hàng 2 kg côcain. K thành khẩn khai báo sự việc. Số hàng do K vận chuyển được đưa đi giám định. Kết quả giám định cho biết đó là chất ma tuý giả. [Cơ quan điều tra](https://hocluat.vn/wiki/co-quan-dieu-tra/) cũng xác định được C mua lầm số hàng nói trên của một người tên là P. Mở rộng điều tra, cơ quan điều tra cũng xác định được rằng P biết số côcain bán cho C là giả nhưng P vẫn bán cho C.

**Anh (chị) hãy:**

1. Xác định tội danh cho hành vi của C, K và P.
2. Giả thiết rằng trên đường vận chuyển, biết được giá trị của ma tuý, K đã lấy khoảng 50 gam giấu đi và đánh tráo bằng 50 gam bột trắng (ma tuý) giả. Trong trường hợp này K có phải chịu trách nhiệm [hình sự](https://hocluat.vn/wiki/hinh-su/) về hành vi của mình không, tại sao?
3. Số ma tuý lấy được, K dùng để thanh toán tiền công sửa chữa nhà vệ sinh cho thợ xây là anh S thì K có phải chịu [trách nhiệm hình sự](https://hocluat.vn/wiki/trach-nhiem-hinh-su/) về hành vi này không, tại sao?

**Lời giải**

**1. Xác định tội danh cho hành vi của C, K và P.**

>>> Xác định tội danh cho hành vi của C.

Để xác định tội danh cho hành vi của C, ta xem xét các dấu hiệu cơ bản sau:

\* Khách thể:

Hành vi của C đã xâm phạm tới chế độ quản lý của [nhà nước](https://hocluat.vn/wiki/nha-nuoc/) về việc cất giữ vận chuyển trao đổi chất ma túy (côcain). Cho dù số côcain C mua là giả thì C vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự. [Thông tư](https://hocluat.vn/wiki/thong-tu/) liên tịch số 17 ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ công an – [Viện Kiểm sát nhân dân](https://hocluat.vn/wiki/vien-kiem-sat-nhan-dan/) Tối cao – Toà án nhân dân Tối cao – Bộ tư pháp : “Nếu chất được giám định không phải là chất ma túy hoặc không phải là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, nhưng người thực hiện hành vi ý thức rằng chất đó là chất ma túy hoặc chất đó là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, thì tùy hành vi phạm tội cụ thể mà truy cứu trách nhiệm hình sự người đó theo tội danh quy định tại khoản 1 của điều luật tương ứng đối với các [tội phạm](https://hocluat.vn/wiki/toi-pham/) về ma túy”. Số côcain mà C mua là giả nhưng khi mua nó trong ý thức chủ quan của mình C vẫn tin rằng số côcain đó là thật. Trường hợp này là sai lầm về khách thể.

Đối tượng: Côcain là một loại chất ma túy (theo Nghị Định số 67/2001/NĐ-CP, ngày 01/10/2001 của Chính phủ ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất ma túy). Bên cạnh đó, đối với tội mua bán thì không cần biết số lượng ma túy là bao nhiêu, chỉ cần có mục đích mua bán thì sẽ phạm tội mua bán trái phép chất ma túy.

\*[*Mặt khách quan*](https://hocluat.vn/wiki/mat-khach-quan/):

C mua được 2 kg côcain của P và C đã thuê K chuyển số côcain này đến thị xã X cho H là 20 triệu đồng. Như vậy, trong vụ án này, trước hết ta xác định được chắc chắn rằng là C có hành vi mua côcain trái phép.

\* Mặt chủ quan:

C có lỗi cố ý trực tiếp. Thể hiện ở việc C nhận thức được côcain là ma túy bị nhà nước cấm lưu thông nhưng C vẫn có hành vi mua 2kg côcain này và thuê K vận chuyển đến thị xã X cho H với tiền công rất lớn 20 triệu đồng. Tóm lại, C nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn mong muốn thực hiện đến cùng tội phạm.

\* Chủ thể:

Chỉ cần C có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định.

Số lượng 2kg côcain mà C mua là rất lớn (>100gram) nên theo khoản 4 điều 194, C phạm tội trong trường hợp trong trường hợp này là tội đặc biệt nghiêm trọng nên chỉ cần C đủ 14 tuổi trở nên là C phải chịu truy cứu trách nhiệm hình sự (theo quy định tại điều 12 BLHS).

Tuy nhiên, như đã trình bày, ta chỉ mới xác định được C có hành vi mua côcain, chứ chưa biết C có mục đích bán hay không. Phải làm rõ được mục đích của C thì mới có thể định tội chính xác được.

Việc xác minh C có mục đích bán hay không, là trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng.Tuy nhiên, việc xác định mục đích của người mua trái phép chất ma túy có nhằm mục đích bán trái phép cho người khác hay không chỉ phức tạp trong trường hợp chất ma túy có số lượng nhỏ.Còn trong trường hợp của C, C đã mua 2kg côcain số lượng côcain rất lớn thì mục đích của C mua về để bán là dễ dàng [chứng minh](https://hocluat.vn/wiki/chung-minh/) được. Bởi thường thì không ai mua 2kg côcain về sử dụng dần cả.

Tuy vậy ta vẫn phải chia thành hai trường hợp tương ứng với mục đích của C có phải là nhằm mua bán trái phép chất ma tuý hay không:

Ø  Trường hợp 1:

Chứng minh được mục đích mua bán trái phép chất ma tuý của C.

Ở trường hợp này thì hành vi của C là hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Hành  vi mua bán trái phép chất ma túy là hành vi trao đổi trái phép chất ma túy dưới bất kí hình thức nào.

Ø  Trường hợp 2:

Không chứng minh được mục đích bán trái phép chất ma túy của C.

Trong trường hợp này, C có thể có nhiều mục đích khác. Tùy từng mục đích cụ thể mà có thể khẳng định hành vi của C là hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy hoặc thậm chí là sản xuất trái phép chất ma tuý.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi cất giữ trái phép chất ma túy trong người, trong nhà hoặc ở nơi nào nào đó, không kể thời gian bao lâu.

Hành vi sản xuất trái phép chất ma tuý là hành vi tham gia vào quá trình tạo ra chất ma tuý dưới bất kì hình thức nào. Quá trình này có thể gồm nhiều công đoạn khác nhau và được tiến hành với các phương pháp, quy trình cũng như với các phương tiện, thiết bị khác nhau. Người phạm tội có thể có hành vi tham gia vào một giai đoạn hoặc toàn bộ quá trình.

>>> Xác định tội danh cho hành vi của K.

Để xác định tội danh cho hành vi của K, ta cũng cần xem xét các dấu hiệu cơ bản.

Các dấu hiệu về khách thể, chủ thể và thái độ lỗi của tội phạm mà K thực hiện cũng tương tự như C.

– Về hành vi khách quan:

Có thể thấy ngay: Hành vi của K là hành vi vận chuyển trái phép chất ma tuý.

Hành vi vận chuyển trái phép chất ma tuý là hành vi chuyển dịch bất hợp pháp chất ma tuý từ nơi này đến nơi khác, từ vị trí này sang vị trí khác, từ người này sang người khác, từ [quốc gia](https://hocluat.vn/wiki/quoc-gia/) này sang quốc gia khác.. bằng bất kì phương thức nào (trừ hình thức chiếm đoạt) nhưng đều không nhằm mục đích mua bán.

Như vậy, khái niệm vận chuyển trái phép chất ma tuý được dùng ở đây có nội hàm rộng hơn khái niệm vận chuyển hàng hoá thông thường. Vận chuyển trái phép chất ma tuý có thể giống với vận chuyển hàng hoá từ nơi này đến nơi khác trong một cự ly nhất định với phương tiện là ôtô, xe đạp, xe máy, tàu thuỷ, máy bay.., nhưng cũng có thể chỉ là hành vi chuyển dịch từ vị trí này sang vị trí khác trong một không gian chật hẹp như từ gầm giường sang giá sách, từ túi người này sang túi người khác trong một phòng, thậm chí từ túi này sang túi khác của cùng một người.

Xét hành vi của K: K dùng xe (không rõ là xe máy hay ôtô) để vận chuyển 2kg côcain đến thị xã X cho một người tên H theo thoả thuận với C. Như vậy hành vi của K đúng là hành vi vận chuyển trái phép ma tuý.

– Về mặt chủ quan:

Cùng là hành vi vận chuyển trái phép chất ma tuý, nhưng với những thái độ lỗi khác nhau của người phạm tội thì có thể cấu thành những tội phạm khác nhau. Đặc biệt ở đây, K đóng vai trò vận chuyển thuê cho C, nởi vậy không thể không xét tới mối liên hệ về ý chí giữa hành vi của C và hành vi của K.

Cụ thể ở trường hợp này như sau:

Nếu vận chuyển ma tuý với mục đích mua bán chất ma tuý này thì người có hành vi vận chuyển bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma tuý.

Nếu vận chuyển ma tuý cho người khác mà biết rõ mục đích mua bán ma tuý của người mà mình nhận vận chuyển hộ thì người có hành vi vận chuyển bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma tuý với vai trò giúp sức.

Nếu vận chuyển ma tuý hộ người khác, không nhằm mục đích mua bán, cũng không biết rõ mục đích của người mà mình nhận vận chuyển hộ thì người có hành vi vận chuyển bị truy cứu trách nhiệm hình sự tội vận chuyển trái phép chất ma tuý.

Dựa vào tình tiết của vụ án, ta có thể loại ngay trường hợp 1. Bởi lẽ: C là người đã giao cho K 2kg côcain đó và thuê K vận chuyển đến cho H với tiền công thoả thuận là 20 triệu đồng. Như vậy, rõ ràng K chỉ vận chuyển thuê chứ không phải mua bán với C hay H.

Tuy nhiên, do các tình tiết không nêu rõ K có biết được mục đích nhờ vận chuyển của C là mua bán chất ma tuý hay không, nên ta phải chia làm hai trường hợp ứng với hai trường hợp 2. và 3. nói trên cùng những tội danh tương ứng.

Kết luận: K có thể phạm tội vận chuyển trái phép chất ma tuý, hoặc đồng phạm tội mua bán trái phép chất ma tuý với vai trò giúp sức.

>>> Xác định tội danh cho hành vi của P.

Theo Thông tư liên tịch số 17 ngày 24 tháng 12 năm 2007 Bộ công an – Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao – Toà án nhân dân Tối cao – Bộ tư pháp: “Trường hợp một người biết là chất ma túy giả nhưng làm cho người khác tưởng là chất ma túy thật nên mua bán, trao đổi… thì người đó không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm về ma túy mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo [chiếm đoạt tài sản](https://hocluat.vn/wiki/chiem-doat-tai-san/) theo Điều 139 BLHS, nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa trong [cấu thành tội phạm](https://hocluat.vn/wiki/cau-thanh-toi-pham/) của tội này”.

Như vậy, ta cần xét xem hành vi của P có thoả mãn các dấu hiệu pháp lý cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điều 139 BLHS hay không.

– Khách thể:

Khách thể của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là quan hệ sở hữu. Hành vi lừa đảo của P là nhằm thiết lập quan hệ sở hữu đối với tài sản chiếm đoạt.

Đối tượng của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tài sản. Đối tượng tác động của hành vi của P cũng là tài sản (số tiền tương ứng với giá trị 2kg côcain mà C trả cho P)

.

– Mặt khách quan:

Hành vi tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bao gồm hành vi lừa dối và hành vi chiếm đoạt:

Hành vi lừa dối là điều kiện để hành vi chiếm đoạt có thể xảy ra, còn hành vi chiếm đoạt là mục đích và là kết quả của hành vi lừa dối;

Hành vi lừa dối là hành vi cố ý đưa ra thông tin không đúng sự thật nhằm để người khác tin đó là sự thật.

Trong trường hợp này ta thấy mặc dù biết là côcain là giả nhưng P vẫn bán cho C. Như vậy, rõ ràng P đã lừa dối C.

Hành vi chiếm đoạt trong tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có hai hình thức thể hiện cụ thể:

Nếu tài sản bị chiếm đoạt đang trong sự chiếm hữu của chủ tài sản thì hình thức thể hiện cụ thể của hành vi chiếm đoạt là hành vi nhận tài sản của người bị lừa dối. Vì đã tin vào thông tin của người phạm tội nên người bị lừa dối đã giao nhầm tài sản.

Nếu tài sản bị chiếm đoạt đang ở trong sự chiếm hữu của người phạm tội thì hình thức thể hiện cụ thể của hành vi chiếm đoạt là hành vi giữ lại tài sản đáng lẽ phải giao cho người bị lừa dối. Vì đã tin vào thông tin của người phạm tội nên người bị lừa dối đã nhận nhầm tài sản hoặc không nhận.

Trong trường hợp này, tài sản bị chiếm đoạt là số tiền tương ứng với giá trị của 2kg côcain mà C đã trả cho P. P đã giao hàng cho C chứng tỏ P đã nhận tiền của C. Từ đó cho thấy P đã thực hiện hành vi chiếm đoạt.

– Chủ thể:

Theo Điều 12 BLHS, P sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản nếu P từ đủ 14 tuổi trở lên và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

– Mặt chủ quan:

Người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội biết mình có hành vi lừa dối và mong muốn hành vi lừa dối đó có kết quả để có thể chiếm đoạt được tài sản.

Xét lỗi của P, ta thấy P biết mình có hành vi lừa dối C và mong muốn hành vi lừa dối đó có kết quả để chiếm đoạt được tài sản do đó P có lỗi cố ý trực tiếp.

Từ những phân tích trên, ta khẳng định hành vi của P cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

**2. Trên đường vận chuyển, biết được giá trị của ma tuý, K đã lấy khoảng 50 gam giấu đi và đánh tráo bằng 50 gam bột trắng (ma tuý) giả. Trong trường hợp này K có phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình không, tại sao?**

Hành vi K lấy khoảng 50g côcain rồi đánh tráo bằng 50g bột trắng (ma túy giả) thì K phải chịu trách nhiệm hình sự về tội chiếm đoạt chất ma túy. Cụ thể hơn: hành vi của K là hành vi chiếm đoạt chất ma tuy bằng thủ đoạn lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt ma túy của người khác.

– Hành vi chiếm đoạt chất ma tuý là hành vi chuyển chất ma tuý của người khác thành của mình bằng bất kì thủ đoạn nào.

– Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác là vay mượn thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức [hợp đồng](https://hocluat.vn/wiki/hop-dong/) rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

Việc chuyển giao tài sản từ người bị hại sang người phạm tội xuất phát từ một đồng hợp pháp như vay, mượn, thuê tài sản.

Ý định chiếm đoạt tài sản nảy sinh sau khi nhận được tài sản, sau đó người phạm tội có hành vi chiếm đoạt tài sản do mình quản lý với những thủ đoạn như: lừa dối, bỏ trốn khồn thanh toán, không trả lại tài sản…

– Xét trong hành vi của K, ta thấy:

Việc chuyển giao ma túy từ C sang K là một hợp đồng thuê vận chuyển, như vậy nếu không tính đối tượng của hợp đồng là vật cấm thì có thể coi đây là một hợp đồng hợp pháp.

Sau khi nhận được tài sản, do nhận thấy giá trị của ma túy nên K đã nảy sinh ý định chiếm đoạt ma túy của C.

K đã thực hiện hành vi chiếm đoạt ma túy của C: K lấy khoảng 50g côcain rồi đánh tráo bằng 50g bột trắng (ma túy giả).

K chiếm đoạt được của C 50g Côcain. Theo Thông tư …thì chiếm đoạt … thì coi là phạm tội chiếm đoạt ma túy của người khác. Ở đây K chiếm đoạt 50g Côcain, như vậy đã thỏa mãn dấu hiệu định lượng của CTTP tội chiếm đoạt chất ma tuý.

Như vậy, từ sự phân tích trên có thể khẳng định hành vi của K đã cấu thành tội chiếm đoạt ma túy của người khác với thủ đoạn lạm dụng tín nhiệm. K phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình theo điều 194 BLHS với tình tiết tăng nặng thuộc điểm c khoản 3 Điều 194.

**3. Số ma túy lấy được K đã dùng để thanh toán tiền công sửa chữa nhà vệ sinh cho thợ xây là anh S thì K có phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này không? Tại sao?**

Nếu K dùng số ma túy lấy được để thanh toán tiền công sửa chữa nhà vệ sinh cho thợ xây là anh S thì K phải chịu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy.

Khái niệm:

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy là hành vi trao đổi trái phép chất ma túy dưới bất cứ hình thức nào. Chất ma túy của người có được để bán không phụ thuộc vào chất ma túy đó từ đâu mà có, thật hay giả, số lượng nhiều hay ít…

Các dấu hiệu cấu thành tội phạm của tội này:

– Khách thể: Người phạm tội xâm phạm đến chế độ quản lý chất ma túy của Nhà nước ở tất cả các khâu của quá trình quản lý.

– Mặt khách quan: Đó là hành vi mua bán được thể hiện dưới những hình thức như mua bán theo nghĩa thông thường, tàng trữ để bán, vận chuyển để bán, xin để bán, mua để bán, dùng chất ma túy đổi lấy tài sản khác, dùng tài sản khác đổi lấy ma túy để bán…

– Mặt chủ quan: Lỗi cố ý trực tiếp

– Chủ thể: Đạt độ tuổi luật định và có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Đối chiếu với trường hợp này ta nhận thấy dù thực tế số ma túy mà K chiếm đoạt được là ma túy giả nhưng K vẫn tin chắc rằng đó là ma túy thật và ý thức được sự nguy hiểm của hành vi đó.

Như vậy, xét về:

– Mặt khách quan: K dùng chất ma túy mà K tin chắc là ma túy thật để thanh toán cho một công việc mà K đã yêu cầu người khác thực hiện mà cụ thể là tiền công xây dựng nhà vệ sinh của anh S. Như vậy K có hành vi mua bán chất ma túy

– Mặt chủ quan: Vì tin chắc chất mà mình trao đổi là ma túy nên K biết hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy lỗi của K ở đây là lỗi cố ý trực tiếp

– Khách thể: Căn cứ vào những hành vi trên của K thì K đã xâm phạm chế độ quản lý chất ma túy của Nhà nước

– Chủ thể: K được mặc định là có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự

.

Vậy, K phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình mà cụ thể ở đây chịu trách nhiệm hình sự về tội mua bán chất ma túy.

Ngoài ra, trong từng trường hợp mà hành vi K đã thực hiện có thể định tội như sau:

* Nếu K chiếm đoạt chất ma túy và ngay sau đó dùng nó để thanh toán cho anh S thay cho tiền công xây dựng nhà vệ sinh thì K phạm tội chiếm đoạt, mua bán trái phép chất ma túy quy định tại Điều 194.
* Nếu K chiếm đoạt chất ma túy, cất giữ ma túy một thời gian sau đó mới đem thanh toán cho anh S để thay tiền công xây dựng nhà vệ sinh thì K phạm tội chiếm đoạt, tàng trữ và mua bán trái phép chất ma túy quy định tại Điều 194.

## Tình huống 10

Vì muốn có tiền tiêu xài, A nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe đạp của B, A đến gặp B ( là người quen) ngỏ ý mượn xe để đèo người thân ra bến xe ô tô. B tin tưởng và giao xe đạp cho A ( chiếc xe đạp trị giá 700.000 đồng). A đạp xe ra chợ để bán nhưng không được liền đem về nhà. Đợi mãi không thấy A trả xe, 2 ngày sau, B đến nhà A để đòi xe. Đến ngõ nhà A, B thấy A dắt xe đạp của mình từ trong nhà đi ra, B chạy đến đưa tay ngăn lại và nói: “ trả tao xe đây, mượn gì mà mãi không trả”. A không Lời giải mà lên xe định đạp xe đi, B liền giữ lại và tiếp tục đòi trả xe, A liền rút con dao găm giấu trong người ra, gí sát vào mặt B quát: “Tao vừa giết người trên phố về đây. Biết điều buông ngay xe ra, không tao đâm chết”.  B sợ, rời tay khỏi ghi đông xe đạp. A nhảy lên xe phóng đi. Sau đó B tố cáo với cơ quan công an về hành vi của A. Một thời gian sau, A bị bắt.”

Về vụ án này có các quan điểm sau:

1. A phạm [tội cướp tài sản](https://hocluat.vn/wiki/toi-cuop-tai-san/).
2. A phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết tăng nặng định khung [hình phạt](https://hocluat.vn/wiki/hinh-phat/) “hành hung để tẩu thoát”.
3. A phạm tội cướp tài sản thuộc trường hợp chuyển hóa từ lừa đảo thành cướp.

**Anh  (chị ) hãy cho biết:**

Các quan điểm trên có quan điểm nào đúng không? Tại sao?

Nếu các quan điểm trên đều sai thì quan điểm của nhóm anh ( chị ) cho rằng A phạm tội gì? Hãy phân tích rõ?

**Lời giải**

Đó là: tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 139) và tội cướp tài sản (điều 133)

Để làm rõ quan điểm này trước tiên phải hiểu rõ dấu hiệu pháp lý của 2 tội này:

**1. Tội cướp tài sản ( điều 133)**

Điều 133-BLHS 1999 chỉ rõ tội cướp tài sản là hành vi “dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đọat tài sản”.

Ngay trong điều luật đã quy định rõ hành vi khách quan của tội này bao gồm 3 hành vi, đó là: hành vi dùng vũ lực (dùng sức mạnh đè bẹp sự phản kháng của nạn nhân như bóp cổ, xô ngã…), đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc (gí sát dao vào cổ dọa giết…đặc biệt phải chứng minh được sự đe dọa này khiến cho nạn nhân tin rằng nếu không tin vào sự đe dọa của người phạm tội thì sự đe dọa đó sẽ trở thành hiện thực) hoặc có hành vi khác làm cho người tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được (cho nạn nhân uống thuốc ngủ hay là đánh thuốc mê nạn nhân hoặc các hành vi khác.) nhằm chiếm đoạt tài sản. Những hành vi này đều có khả năng đè bẹp hoặc làm tê liệt sự kháng cự của nạn nhân nên đó là những hành vi không thể thiếu trong cấu thành tội cướp tài sản. Chỉ cần người phạm tội có 1 trong 3 hành vi kể trên thì tội cướp tài sản đã hoàn thành chứ không cần quan tâm tới người phạm tội có chiếm đoạt được tài sản hay không.

Tội cướp tài sản xâm hại cùng một lúc 2 quan hệ xã hội được [luật hình sự](https://hocluat.vn/luat-hinh-su/) bảo vệ. Đó là quan hệ sở hữu và quan hệ nhân thân. Chủ thể của tội phạm là người từ 14 tuổi trở lên (vì tội này là tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng) và có năng lực TNHS.

Người phạm tội cướp tài sản thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Nghĩa là người phạm tội biết rõ hành vi của mình nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn mong muốn chiếm đoạt được tài sản. Trong cấu thành tội cướp tài sản, mục đích là dấu hiệu bắt buộc. Mục đích của tội này có thể là nhằm chiếm đoạt được tài sản hoặc nhằm giữ lại tài sản. Nếu người phạm tội “dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hay các hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được” mà không nhằm 1 trong 2 mục đích nêu trên thì không thuộc trường hợp quy định tại điều 133-BLHS

**2. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 139)**

Điều 139-BLHS 1999 quy định tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi “bằng thủ đoạn gian dối chiếm đọat tài sản của người khác có giá trị từ 500.000 đồng đến dưới 50 triệu đồng hoặc dưới 500.000 đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được [xóa án tích](https://hocluat.vn/wiki/xoa-an-tich/) mà còn vi phạm, thì bị…”

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản chỉ cấu thành tội này khi thỏa mãn 1 trong các dấu hiệu sau:

– Tài sản chiếm đoạt có giá trị từ 500.000 đồng trở lên

– Nếu dưới 500.000 đồng thì:

+ Phải gây hậu quả nghiêm trọng

+ Hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt mà còn vi phạm

+ Hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích mà còn vi phạm

Dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội này là hành vi chiếm đoạt bằng thủ đoạn gian dối. Ý định chiếm đoạt tài sản có trước khi người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội. Thủ đoạn gian dối trong trường hợp này được hiểu là người phạm tội đưa ra những thông tin giả mong muốn người chủ sở hữu hoặc người có trách nhiệm quản lý tin đó là sự thật mà giao tài sản cho mình. Thủ đoạn gian dối là cơ sở để người phạm tội thực hiện hành vi chiếm đoạt. Nếu người phạm tội dùng thủ đoạn gian dối mà không nhằm chiếm đoạt tài sản thì không phạm tội này.

Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản hoàn thành khi người phạm tội chiếm đoạt được tài sản.

Có 2 trường hợp được gọi là “chiếm đoạt được”. Thứ nhất,  nếu tài sản bị chiếm đoạt đang trong sự chiếm hữu của chủ sở hữu hoặc người có trách nhiệm quản lý tài sản thì chỉ “chiếm đoạt được” khi tài sản đã nằm trong tay người phạm tội nghĩa là người phạm tội đang trực tiếp chiếm hữu, quản lý tài sản. Thứ hai, nếu tài sản đang trong sự chiếm hữu của người phạm tội thì chỉ “chiếm đoạt được” khi người phạm tội dùng thủ đoạn gian dối (thông báo sai, giao nhầm, giao thiếu tài sản…) để giữ lại tài sản mình đang chiếm giữ và người chủ sở hữu đã tin vào hành vi gian dối đó nên đã nhận nhầm tài sản hoặc không nhận tài sản.

Quay trở lại tình huống việc định tội A là lừa đảo chiếm đọat tài sản theo quy định tại điều 139-BLHS là có cơ sở.

Thứ nhất, về hành vi khách quan, A đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản là chiếc xe đạp của B trị giá 700.000 đồng. Hành vi của A đã thỏa mãn hành vi cấu thành của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thủ đoạn gian dối mà A sử dụng ở đây là A giả vờ mượn xe của B đề chở người quen ra bến ôtô. Nhưng kì thực không phải vậy, A chỉ lợi dụng lòng tốt của B để chiếm đoạt tài sản của B mà thôi: “vì muốn có tiền tiêu xài, A nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe đạp của B”. Còn B là người quen của A nên đã tin A, không một chút nghi ngờ B đã [tự nguyện](https://hocluat.vn/wiki/tu-nguyen/) giao tài sản của mình là chiếc xe đạp cho A trị giá 700.000đ. Như vậy mục đích hành động của A là nhằm để B tin và giao tài sản đã trở thành hiện thực. Căn cứ vào khoản 1 Điều 139, hành vi của A đã thỏa mãn cấu thành của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và thực tế đã hoàn thành khi B giao tài sản cho A.

Về mặt chủ quan, A thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, nghĩa là A biết hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, đặc biệt nhất là A mong muốn thực hiện được hành vi chiếm đoạt tài sản. Mục đích của A là chiếm đoạt được tài sản của B và mục đích này có trước khi A thực hiện tội phạm. Động cơ thúc đẩy ở đây là “vì muốn có tiền tiêu xài”. Tuy nhiên, nó không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành này. Bài tập tình huống này không quy định độ tuổi hay năng lực trách nhiệm hình sự nhưng chúng ta có thể mặc nhiên thừa nhận khi A thực hiện tội phạm A đã đạt dộ tuổi luật định và đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của A đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu của B đối với chiếc xe đạp – một quan hệ sở hữu được luật hình sự bảo vệ.

Các yếu tố về khách thể, chủ thể, mặt khách quan, mặt chủ quan đều thoả mãn cấu thành của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 139 BLHS, nên việc định tội cho A là có cơ sở.

Vừa phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì 2 ngày sau A lại phạm tội “cướp tài sản” theo quy định tại Điều 133.

Việc định tội cho A dựa trên một số căn cứ pháp lý sau đây:

– Hành vi của A đã thỏa mãn hành vi khách quan của tội cướp tài sản. Đó là hành vi “đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc”. Ở đây A “rút dao găm giấu trong người gí sát vào mặt và quát tao vừa giết người trên phố về đây…”. Hành vi “lấy dao gí sát vào mặt” ta có thể hiểu là hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc vì nếu B không buông tay ra khỏi chiếc xe đạp để A đi thì việc dùng dao đâm chết B có nhiều nguy cơ xảy ra liền ngay sau đó.

– Hành vi “đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc” của A không nhằm chiếm đoạt tài sản (vì chiếc xe đạp đã nằm trong sự chiếm hữu của A) mà nhằm giữ lại chiếc xe đạp đã chiếm đoạt được. Mặc dù điều luật không quy định mục đích của hành vi “dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc…” nhằm giữ lại tài sản nhưng thực tiễn xét xử thừa nhận rằng mục đích giữ lại tài sản cũng được coi là mục đích của tội cướp tài sản. Như vây, chỉ cần người phạm tội “dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc…” nhằm chiếm đoạt tài sản hoặc giữ lại tài sản cũng thuộc Điều 133. A có hành vi “đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc” để giữ lại tài sản do đó hành vi của A đã thoả mãn dấu hiệu khách quan của tội cướp tài sản.

Hành vi phạm tội cùng một lúc xâm hại đến hai quan hệ: quan hệ nhân thân và quan hệ sở hữu của B. A thực hiện với lỗi cố ý, A thỏa mãn dấu hiệu chủ thể của tội cướp tài sản. Như vậy việc định tội cướp tài sản cho A là có cơ sở pháp lý.

***=> Kết luận: A phạm 2 tội là tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điều 139 – BLHS và tội cướp tài sản theo điều 133 – BLHS***

Các quan điểm khác xung quanh vụ án:

Xung quanh tình huống trên còn nhiều quan điểm gây tranh cãi:

Quan điểm thứ nhất cho rằng A chỉ phạm tội cướp tài sản (điều 133). Quan điểm này cho rằng chỉ hành vi thực hiện sau mới cấu thành tội phạm, đó là tội cướp tài sản; còn hành vi thực hiện trước không cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 139) vì A mượn xe B đi tiêu thụ nhưng không tiêu thụ được nên không có cơ sở để chứng minh A có ý định chiếm đoạt tài sản. Quan điểm này không hợp lý, bởi lẽ theo tình tiết của bài tập tình tiết của bài tập thì ý định phạm tội của A đã quá rõ ràng “vì muốn có tiền tiêu xài, A nảy sinh ý định chiếm đoạt xe đạp của B” còn việc A có tiêu thụ được hay không không quan trọng. Việc A không tiêu thụ được đó là do nguyên nhân khách quan chứ không phải là mong muốn chủ quan của A. Nếu chỉ căn cứ vào thực tế xảy ra mà không căn cứ vào mong muốn chủ quan của người phạm tội và từ đó không định tội cho hành vi phạm tội của họ là đã “bỏ lọt tội phạm”. Ở đây A mong muốn chiếm đoạt được tài sản của B, mong muốn tiêu thụ được tài sản đó. Điều đó đã chứng tỏ ý định phạm tội của A đã rõ ràng nên việc không định tội cho hành vi của A  là đã bỏ lọt tội phạm, vi phạm nguyên tắc pháp chế.

Quan điểm thứ hai thì cho rằng: A phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “hành hung để tẩu thoát”. Việc đánh giá như thế này cũng không chính xác. Thứ nhất, trong các điều khoản quy định tại điều 139 thì không có tình tiết nào có tên là “hành hung để tẩu thoát”, nên việc định tội cho A là phạm tội chiếm đoạt tài sản với tình tiết tăng nặng định khung là “ hành hung để tẩu thoát” không có căn cứ pháp lý.

Giả sử, điều luật có quy định “hành hung để tẩu thoát” là một tình tiết định khung thì trong trường hợp này A cũng không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết định khung “hành hung để tẩu thoát”. Bởi lẽ: Theo hướng dẫn tại tiểu mục 6.1 Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT TANDTC- VKSNDTC- BCA- BTP thì “hành hung để tẩu thoát” là “trường hợp mà người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đọat được tài sản nhưng chưa bị phát hiện và bị bắt giữ thì đã có những hành vi chống trả lại người bắt giữ hoặc người bao vây bắt giữ như đánh, chém, xô, ngã…nhằm tẩu thoát”. Dù thực tế trong trường hợp người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản thì chỉ coi là “hành hung để tẩu thoát” khi ngay sau việc chiếm đoạt họ bị phát hiện và họ đã chống lại nhằm tẩu thoát. Hay nói cách khác ở đây tội phạm tuy đã hoàn thành nhưng hành vi đó chưa kết thúc về mặt thực tế. Trong bài tập tình huống A đã chiếm đoạt được xe đạp của B, 2 ngày sau B mới phát hiện ra và A đã đe dọa dùng ngay vũ lực. Ở đây hành vi phạm tội của A đã kết thúc về mặt pháp lý (tội phạm đã hoàn thành) và mặt thực tế (tội phạm kết thúc) nên không thể có việc “hành hung để tẩu thoát” được. Với lại mục đích của A ở đây là dùng vũ lực không chỉ nhằm mục đích tẩu thoát mà còn giữ bằng được tài sản đã chiếm đoạt. Thể hiện ở việc khi B chạy đến đòi xe, A còn thời gian rút dao ra và gí sát vào mặt B đe dọa…sau đó lên xe đạp đi. Điều đó càng làm rõ thêm quan điểm cho rằng A phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết định khung hình phạt “hành hung để tẩu thoát” là không có cơ sở.

Quan điểm khác cho rằng A phạm tội cướp tài sản thuộc trường hợp chuyển hóa từ lừa đảo thành cướp. Việc định tội này cũng chưa chính xác. Đầu tiên chúng ta phải hiểu thế nào là trường hợp chuyển hóa từ tội có tính chất chiếm đoạt sang cướp?

Theo hướng dẫn tại [Nghị quyết](https://hocluat.vn/wiki/nghi-quyet/) số 01/1989 Hội đồng thẩm phán ngày 19/04/1989 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS về việc chuyển hóa từ một số hình thức chiếm đoạt thành cướp tài sản quy định: “Thực tiễn xét xử cho thấy các [Tòa án](https://hocluat.vn/wiki/toa-an/) đã định tội không thống nhất đối với các trường hợp kẻ phạm các tội chiếm đoạt như cướp giật, công nhiên chiếm đoạt, trộm cắp…đã dùng vũ lực để chiếm đoạt bằng được tài sản hoặc để tẩu thoát. Nhiều Tòa án coi trường hợp trên là cướp tài sản. Ngược lại, nhiều Tòa án lại cho rằng việc dùng vũ lực chỉ là tình tiết tăng nặng của việc chiếm đoạt chứ không kết tội kẻ phạm tội về tội cướp tài sản…Nay cần thống nhất:

a) Nếu là trường hợp do chưa chiếm đoạt được tài sản mà kẻ phạm tội dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hòng để chiếm đoạt bằng được tài sản thì cần định tội cướp tài sản.

b) Nếu là trường hợp kẻ phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản nhưng chủ tài sản hoặc người khác đã lấy lại được tài sản đó hoặc đang giành giật tài sản trong tay kẻ phạm tội mà kẻ phạm tội dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc thì cần định tội cướp.

c) Nếu việc dùng vũ lực (hoặc đe dọa dùng vũ lực) là nhằm để tẩu thoát (kể cả tẩu thoát cùng tài sản đã chiếm đoạt được), thì không kết án kẻ phạm tội về tội cướp tài sản…

Theo tình thần của Nghị quyết 01/1989 của HĐTP nêu trên trong trường hợp kẻ phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản (trong tội phạm trước) thì chỉ định tội cướp khi chủ tài sản hoặc người khác lấy lại được tài sản đó hoặc đang giành giật mà kẻ phạm tội dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc…Để chủ sở hữu hoặc người khác “lấy lại được” hay “đang giành giật” thì đòi hỏi hành vi “lấy lại được hoặc đang giành giật” phải xảy ngay sau khi tội phạm hoàn thành. Nghĩa là mặc dù tội phạm thực hiện trước đó đã hoàn thành nhưng hành vi phạm tội đó chưa kết thúc trên thực tế. Hay nói cách khác tội phạm hoàn thành nhưng chưa kết thúc. Có như vậy việc định tội cướp mới có cơ sở.

Ở đây tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã hoàn thành được 2 ngày chủ sở hữu B mới giành giật lại tài sản và người phạm tội A đã đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc cũng không thể coi là trường hợp chuyển hóa từ lừa đảo thành cướp được.

Theo phân tích ở trên thì việc định tội cho A là tội cướp tài sản hay tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết định khung là “hành hung để tẩu thoát” hay là tội cướp tài sản thuộc trường hợp chuyển hóa từ lừa đảo thành cướp đều chưa thuyết phục.

## Tình huống 11

Chị A đi xe máy thăm người quen, dọc đường bị chết máy. Đang loay hoay khời động lại xe thì thấy H đi qua. Chị A nhờ H sửa chữa xe máy. Sau một hồi sửa chữa H ngồi lên yên, khởi động xe và phóng đi mất. Chị A hô mọi người giữ lại nhưng không được. H đem xe máy đến nhà B (là người quen của H) gửi và sau đó đem đi bán được 12.000.000 đồng, H chia cho B 1.500.000 đồng

**Hỏi**

1. Hành vi của H cấu thành tội gì? Tại sao?

2. B có phải chịu trách nhiệm hình sự không? Tại sao?

**Lời giải**

**1. Hành vi cùa H cấu thành**[**tội cướp giật tài sản**](https://hocluat.vn/wiki/toi-cuop-giat-tai-san/)**theo Điều 136 BLHS 1999.**

Cướp giật tài sản là hành vi công khai chiếm đoạt tài sản một cách nhanh chóng để tránh sự phản kháng của chủ tài sản. Cướp giật tài sản là một trong bốn tội phạm của nhóm tội chiếm đoạt có tính chất công khai về hành vi khách quan của chủ thể. Trong đó cướp giật tài sản là hành vi lợi dụng sơ hở của chủ tài sản (sơ hở sẵn có hoặc do chính người cướp giật tạo ra) nhanh chóng chiếm đoạt tài sản và nhanh chóng lẩn tránh. Thủ đoạn nhanh chóng lẩn tránh trong thực tế thường là nhanh chóng tẩu thoát.

H không cưỡng đoạt tài sản hay cướp tài sản vì H không dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hay dùng các thủ đoạn uy hiếp tinh thần của chị A…Hành vi của H công khai, không lén lút nên không thể là [tội trộm cắp tài sản](https://hocluat.vn/wiki/toi-trom-cap-tai-san/). Hành vi của H không thuộc các hành vi được quy định tại tội lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. H không dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của chị A vì nếu sau khi đã có tài sản một cách hợp pháp rồi mới có ý định chiếm đoạt tài sản thì không phải hành vi chiếm đoạt tài sản. Thủ đoạn gian dối của người phạm tội bao giờ cũng phải có trước khi có việc giao tài sản giữa người bị hại với người phạm tội thì mới là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nếu thủ đoạn gian dối lại có sau khi người phạm tội nhận được tài sản thì không phải là lừa đảo chiếm đoạt tài sản. H không thể có mục đích lừa dối chị A từ trước được vì việc chị A bất ngờ hỏng xe giữa đường và nhờ H sửa là hoàn toàn ngẫu nhiên. H không phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản vì công nhiên chiếm đoạt tài sản là công khai chiếm đoạt tài sản, lợi dụng hoàn cảnh chủ tài sản không có điều kiện ngăn cản, ở đây thì chị A vẫn có điều kiện ngăn cản H.

Như vậy, hành vi cùa H chỉ cấu thành tội cướp giật tài sản vì:

Thứ nhất, H đã có hành vi công khai chiếm đoạt tài sản của chị A, cụ thể là hành vi “Sau một hồi sửa chữa H ngồi lên yên, khởi động xe và phóng đi mất”. H lợi dụng sơ hở của chị A là tin tưởng vào người lạ sẽ giúp mình sửa xe nên chị không đề phòng. Lúc H chiếm mất xe do quá bất ngờ nên chị A không giữ lại được chiếc xe mặc dù chị có khả năng giữ lại và chị biết là H đang chiếm đoạt chiếc xe của chị. Chị A hô hào nhờ người dân giúp đỡ nhưng không kịp.

Thứ hai, khi chiếm được chiếc xe của chị A, H đã có hành vi nhanh chóng tẩu thoát và tẩu tán tài sản. Thể hiện ở hành vi H khởi động xe và phóng vọt đi, sau đó H gửi xe tại nhà người quen là B rồi ngay sau đó mang đi tiêu thụ.

Cả hai hành vi công khai chiếm đoạt và nhanh chóng tẩu thoát đều là hành vi về mặt khách quan của tội cướp giật tài sản.

Về mặt chủ quan, lỗi của H là lỗi cố ý trực tiếp.

Về mặt chủ thể, xét theo tình huống H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đúng quy định về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

**2. Việc B có phải chịu trách nhiệm hình sự hay không cần phải chia ra hai trường hợp như sau:**

• Trường hợp thứ nhất: B không biết chiếc xe máy mà H mang đến là xe mà H chiếm đoạt được. B sẽ không phải chịu trách nhiệm hình sự. Vì ví dụ H nói rằng đây là chiếc xe mà H trúng thưởng được, H rất vui, nhưng vì không cần xe nên H mang bán và tặng cho B 1.500.000 đồng cho vui vẻ…. Mặc dù tình huống này có vẻ phi lí và hiếm khi xảy ra nhưng không phải là không có.

• Trường hợp thứ hai: Ta cần chia ra trong trường hợp này 2 trường hợp nhỏ:

Thứ nhất, B không hề tham gia hay biết trước những kế hoạch và hành vi chiếm đoạt tài sản của H nhưng B biết chiếc xe máy mà H mang đến là xe mà H chiếm đoạt. B sẽ bị khép vào tội chiếm giữ trái phép tài sản quy định tại Điều 250 BLHS 1999: “1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt [cải tạo không giam giữ](https://hocluat.vn/wiki/cai-tao-khong-giam-giu/) đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”. B không thể là đồng phạm của H vì B không hề tham gia hay biết trước những kế hoạch và hành vi chiếm đoạt tài sản của H.

Thứ hai, B là đồng phạm của H. B và H cùng ý chí là sẽ chiếm đoạt chiếc xe của chị A và cùng nhau mang đi tẩu tán. Tuy nhiên, theo em, việc B và H có dự tính trước là sẽ chiếm đoạt chiếc xe là vô lý. Vì việc chị A đi thăm người quen và xe của chị A hỏng giữa đường nên chị nhờ H sửa là vô tình nên H và B không thể bàn bạc trước việc sẽ cướp xe của chị.

## Tình huống 12

A trộm cắp tài sản của B trị giá 100 triệu đồng. Hành vi của A cấu thành tội trộm cắp tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 138 [Bộ luật](https://hocluat.vn/wiki/bo-luat/) hình sự và bị Tòa án tuyên phạt 3 năm tù. Anh (chị) hãy xác định:

a. Căn cứ vào khoản 3 Điều 8 [Bộ luật hình sự](https://hocluat.vn/wiki/bo-luat-hinh-su/), loại tội mà A thực hiện thuộc loại tội gì? Tại sao?(4 điểm)  
b. Hành vi phạm tội của A thuộc trường hợp cấu thành tội phạm cơ bản, cấu thành tội phạm tăng nặng hay cấu thành tội phạm giảm nhẹ? Tại sao? (3 điểm)

**Lời giải**

a. Loại tội mà A đã thực hiện thuộc loại tội nghiêm trọng

Giải thích:

Khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự (BLHS) quy định:  
3. [Tội phạm ít nghiêm trọng](https://hocluat.vn/wiki/toi-pham-it-nghiem-trong/) là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến ba năm tù; [tội phạm nghiêm trọng](https://hocluat.vn/wiki/toi-pham-nghiem-trong/) là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến bảy năm tù; tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

Theo đó, các nhóm tội phạm được phân biệt với nhau bởi dấu hiệu về mặt nội dung chính trị, xã hội (tính nguy hiểm cho xã hội) và dấu hiệu về mặt hậu quả pháp lí (tính phải chịu phạt).

Xét về mặt nội dung chính trị, xã hội:  
Xét về mặt nội dung chính trị, xã hội là xét về tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Nguy hiểm cho xã hội nghĩa là gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm có tính khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của nhà làm luật.

A trộm cắp tài sản của B trị giá 100 triệu đồng. Hành vi của a cấu thành tội trộm cắp tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS và bị Tòa án tuyên phạt 3 năm tù. “Trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác”. Khi nói đến trộm cắp tài sản thì không thể không đi kèm với hành vi chiếm đoạt tài sản, nếu lén lút mà không nhằm chiếm đoạt tài sản thì không phải là trộm cắp tài sản. Vì thế trộm cắp tài sản là chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn lén lút.  
Hành vi của A đã gây nguy hại lớn cho xã hội, có tính chất chiếm đoạt, xâm phạm đến quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ được xác định tại khoản 1 Điều 8 BLHS, mà cụ thể là xâm hại [quyền sở hữu](https://hocluat.vn/wiki/quyen-so-huu/) tài sản của B trị giá lên tới 100 triệu đồng.  
Xét về mặt hậu quả pháp lí:

**Điều 138:**

….  
2) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:  
a) Có tổ chức;  
b) Có tính chất chuyên nghiệp;  
c) Tái phạm nguy hiểm;  
d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;  
đ) Hành hung để tẩu thoát;  
e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;  
…

Tài sản mà A trộm cắp của B có trị giá 100 triệu đồng. Do vậy A phạm vào tội quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138, đó là: “chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng”. Điều 138 BLHS cũng quy định rõ về hình phạt đối với hành vi phạm tội thuộc các trường hợp được nêu trong khoản 2 đó là “phạt tù từ hai năm đến bảy năm”. Ta có thể thấy được mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản của A là bảy năm tù. Như vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 8 BLHS thì ta xác định được loại tội mà A thực hiện thuộc loại tội phạm nghiêm trọng.

b. Hành vi phạm tội của A thuộc trường hợp cấu thành tội phạm (CTTP) tăng nặng

Giải thích:

Trước hết, CTTP là tổng hợp các dấu hiệu chung có tính đặc trưng cho một loại tội phạm được quy định trong luật hình sự. Dựa theo tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, luật hình sự phân CTTP thành: CTTP cơ bản ( là CTTP chỉ bao gồm những dấu hiệu định tội); CTTP giảm nhẹ (là CTTP chứa những tình tiết làm tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm giảm đi đáng kể); CTTP tăng nặng (là CTTP ngoài dấu hiệu định tội còn chứa dấu hiệu khác làm tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm tăng lên). Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS) được quy định trong Điều 48 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Như vậy, dấu hiệu bắt buộc để phân loại CTTP cơ bản, tăng nặng hay giảm nhẹ là các dấu hiệu định khung, vì khi thỏa mãn những dấu hiệu đó sẽ cho phép chuyển khung hình phạt được áp dụng từ khung bình thường lên khung tăng nặng hoặc xuống khung giảm nhẹ.  
Xét trường hợp của A: A trộm cắp tài sản của B trị giá 100 triệu đồng. Hành vi của A cấu thành tội trộm cắp theo khoản 2 Điều 138 BLHS và bị Tòa án tuyên phạt ba năm tù.

Khoản 1 Điều 138 là CTTP cơ bản (vì chỉ bao gồm dấu hiệu định tội): “người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”. Tức là, nếu A trộm cắp tài sản của B trị giá từ hai triệu đến dưới năm mươi triệu thì hành vi của A sẽ thuộc trường hợp CTTP cơ bản. Tuy nhiên, hành vi của A lại cấu thành tội trộm cắp tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS, ngoài các tình tiết để định tội là trộm cắp tài sản, A còn có thêm tình tiết tăng nặng là “chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đông đến dưới hai trăm triệu đồng” (cụ thể là 100 triệu đồng). Điều này phản ánh mức độ của tính nguy hiểm tăng lên rõ rệt so với các trường hợp trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1.

Những dấu hiệu có thêm trong trường hợp CTTP tăng nặng đối với hành vi của A cho phép chuyển khung hình phạt được áp dụng từ khung bình thường (mức cao nhất là ba năm – theo khoản 1 Điều 138 BLHS) lên khung tăng nặng (mức cao nhất là bảy năm – theo khoản 2 Điều 138 BLHS).

Tóm lại, từ những phân tích ở trên, ta có thể khẳng định: loại tội mà A thực hiện thuộc loại tội phạm nghiêm trọng và hành vi phạm tội của A thuộc trường hợp CTTP tăng nặng.

## Tình huống 13

Ngày 23/1/2009 A đã thực hiện hành vi [hiếp dâm](https://hocluat.vn/wiki/hiep-dam/) chị H. Do quá uất ức, chị H đã treo cổ tự sát. Ngày 7/7/2009, Tòa án nhân dân tỉnh H. xét xử A về [tội hiếp dâm](https://hocluat.vn/wiki/toi-hiep-dam/) theo điểm c khoản 3 Điều 111 BLHS.

**Hỏi:**

1. Cấu thành tội phạm của tội hiếp dâm ( Điều 111 BLHS) là cấu thành tội phạm hình thức?  
2. Theo phân loại tội phạm tại Điều 8 BLHS, hãy xác định tội hiếp dâm mà A đã thực hiện và bi xét xử thuộc loại tội phạm gì? Giải thích rõ tại sao?

**Lời giải**

**1. Cấu thành tội phạm của tội hiếp dâm là cấu thành tội phạm hình thức.**

Trước hết, cần hiểu cấu thành tội phạm hình thức là cấu thành tội phạm có một dấu hiệu của mặt khách quan là hành vi nguy hiểm cho xã hội.  
Từ định nghĩa này có thể nhận thấy, tội hiếp dâm thuộc loại cấu thành tội phạm hình thức, vì theo định nghĩa tội hiếp dâm đã được miêu tả trong BLHS tại Điều 111ở tội này là có 2 hành vi khách quan:  
-Hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng ko thể chống cự của nạn nhân.  
– Hành vi [giao cấu](https://hocluat.vn/wiki/giao-cau/).

Tội phạm có cấu thành hình thức sẽ hoàn thành khi người phạm tội đã thực hiện tất cả các hành vi khách quan được mô tả trong CTTP. Như vậy tội hiếp dâm chỉ có thể được xác lập khi có hành vi giao cấu trái với ý muốn của nạn nhân đã được thực hiện, tức là hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm hại tới quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ đã xảy ra, hậu quả từ hành vi phạm tội đã phát sinh. Hậu quả ở đây có thể là sức khỏe của nạn nhân, danh dự, nhân phẩm của nạn nhân bị ảnh hưởng, thậm chí có thể là tính mạng của nạn nhân bị đe dọa gây thiệt hại. Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả. Hậu quả của hành vi hiếp dâm không thể phát sinh khi hành vi giao cấu chưa được thực hiện và ngược lại, khi hành vi giao cấu trái với ý muốn được thực hiện thì hậu quả cũng phát sinh. Dấu hiệu hành vi và hậu quả trong tội hiếp dâm luôn là các yếu tố đi kèm với nhau, không thể thiếu một trong hai yếu tố đó. Nếu thiếu một trong hai yếu tố đó thì tội hiếp dâm không thể xác lập.  
Trong trường hợp trên, A đã có hành vi dùng vũ lực để hiếp dâm chị H, dẫn đến hậu quả nghiêm trọng là chị H uất ức mà tự sát.

**2. Xác định tội hiếp dâm mà anh A thực hiện và bị xét xử thuộc loại tội phạm gì?**

Tội phạm, hiểu theo nghĩa khái quát nhất là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, trái [pháp luật](https://hocluat.vn/wiki/phap-luat/) hình sự và phải chịu hình phạt.  
Tội phạm tuy có chung các dấu hiệu như trên, nhưng những hành vi phạm tội cụ thể có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất khác nhau. Do vậy, tại khoản 2 Điều 8 Bộ luật hình sự, tội phạm đã được phân thành bốn nhóm khác nhau: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Sự phân thành bốn nhóm tội như vậy vừa là biểu hiện cơ bản, vừa là cơ sở thống nhất nhất cho sự phân hóa trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự. Đồng thời là cơ sở thống nhất cho việc xây dựng các khung hình phạt cụ thể để áp dụng cho từng loại tội phạm xảy ra.

Căn cứ để phân loại tội phạm được thể hiện trong Khoản 3, Điều 8 BLHS năm 1999, là căn cứ phân loại tội phạm dựa vào mức độ của tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Tội hiếp dâm được các nhà làm luật ấn định tại Điều 111 của BLHS, thực tiễn đã thừa nhận tất cả các hành vi hiếp dâm khi xảy ra đều có chung đặc điểm đó là hành vi giao cấu trái với ý muốn của nạn nhân. Tuy nhiên, để thực hiện được hành vi phạm tội trong thực tế rất đa dạng và phức tạp. Đối với mỗi trường hợp phạm tội khác nhau thì tính chất của hành vi, phương pháp, thủ đoạn, và hậu quả xảy ra cũng rất khác nhau. Do vậy đòi hỏi phải phân loại tội phạm đối với hành vi hiếp dâm để có thể cá thể hóa trách nhiệm hình sự, sự phân biệt và cá thể hóa được chính xác sao cho xét xử đúng người, đúng tội và trách nhiệm hình sự phải phù hợp với hành vi phạm tội mà họ đã gây ra. Để đáp ứng đòi hỏi đó, Điều 111 BLHS đã tiến hành phân loại đối với những hành vi hiếp dâm có tính chất và mức độ khác nhau thường xảy ra trong thực tế và ấn định khung hình phạt cụ thể đối với các hành vi phạm tội có cùng tính chất.  
Dựa vào cơ sở đó và khoản 3 Điều 8 BLHS, tội hiếp dâm được phân loại khá cụ thể.  
Đối với trường hợp trên, hành vi của A thuộc loại tội phạm nghiêm trọng. Theo khoản 3, điều 111-BLDS: Phạm tội hiếp dâm được quy định tại khoản 3 Điều 111 BLHS thuộc loại tội đặc biệt nghiêm trọng vì có tính nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội và có khung hình phạt tương ứng cao nhất trên 15 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì, bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:  
a) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên;  
b) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;  
c) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.

Như vậy, hậu quả chị H tự sát nằm trong mục c, khoản 3, điều 111 quy định, đồng thời đối chiếu với điều 8, Vì vậy có thể kết luận, tội của A thuộc loại tội nghiêm trọng. Từ đó có thể căn cứ để định rõ mức khung và hình phạt cho A theo pháp luật quy định, đó là phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, mức cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình.

## ****Tình huống 14****

Một tên A ăn trộm chiếc sh sau đó mang tới gửi nhà B ( bạn thân) . B hỏi A xe ở đâu mà ko mang về nhà. A bảo xe ăn trộm sau đó bảo B giữ hộ mai có người mua rồi sẽ cho B tiền. Nói xong A đi về . tới trưa ngày hôm sau A tới lấy xe sau đó đến chiều mang cho B 5 triệu, .  
Vậy trong trường hợp này B phạm tội gì?  
Đồng phạm tội trộm xe hay tội che dấu tội phạm?

**Lời giải**

**1/ Về tội danh:**

Tội phạm tại Điều 250 BLHS là một tội ghép, nó quy định hai hành vi khác nhau là “chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Hành vi chứa chấp là những hành vi như cất giữ, bảo quản…  
Hành vi tiêu thụ là những hành vi như mua để dùng, nhận để bán lại, giới thiệu người khác mua, chuyển tài sản đo cho người khác theo yeu cầu của người phạm tội…

Vì vậy khi xác định tội danh, nếu người phạm tội thực hiện hành vi chứa chấp thì định tội là “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”; nếu người phạm tội thực hiện hành vi tiêu thụ thì định tội là “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” chứ không định tội như tên gọi của điều luật là “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Trường hợp người phạm tội thực hiện cả hai hành vi chứa chấp và tiêu thụ thì định tội là “Chứa chấp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Ở trường hợp trên, B chỉ thực hiện hành vi cất giữ mà không thực hiện hành vi tiêu thụ. Vì vậy tội danh của B là “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

**2/ Vì sao nó là chứa chấp**

Tình tiết “không hứa hẹn trước” chỉ có giá trị để xác định B không đồng phạm với A về tội “Trộm cắp tài sản”. Còn nó cũng là dấu hiệu đặc trưng của cả tội “Che giấu tội phạm”, chứ không chỉ riêng tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ…”. Và hành vi cất giữ tang vật ([vật chứng](https://hocluat.vn/wiki/vat-chung/)) của tội phạm cũng là một trong những hành vi khách quan của tội “Che giấu tội phạm”.

Việc phân biệt hai tội danh này là dựa vào mục đích của người phạm tội. Nếu mục đích là che giấu tội phạm mà người khác đã thực hiện thì cấu thành tội “Che giấu tội phạm”. Còn nếu mục đích chỉ là trục lợi bất chính thì cấu thành tội “Chứa chấp…”.

B thực hiện hành vi cất giữ xe cho A với mục đích trục lợi, nên tội phạm mà B phải chịu là “Chứa chấp…”.

## ****Tình huống 15****

B, C, D với động cơ chống chính quyền nhân dân đã lên vùng núi tập hợp một số thành phần bất mãn với chế độ XHCN đồng thời mua chuộc một số đối tượng thanh niên nhẹ dạ cả tin với số lượng trên 50 người lập nên tổ chức “Vì Dân Chủ và Nhân Quyền”. B, C, D trong tổ chức này đã có các hoạt động:  
– Liên hệ với nước ngoài qua mạng Internet để xin [vũ khí](https://hocluat.vn/wiki/vu-khi/), tiền bạc nhưng chưa quan hệ được;  
– Đặt mìn phá trụ sở UBND xã để gây niềm tin với nước ngoài;  
– Bao vây UBND xã, huyện và bắn chết một số cán bộ công an xã, huyện.

**Hỏi:**

1. Hành vi của nhóm B, C, D có dấu hiệu của các tội phạm nào?  
2. Theo quan điểm của anh, chị, hãy xác định tội danh của nhóm B, C, D và phân tích rõ cơ sở để định tội cho nhóm B, C, D.

**Lời giải:**

**1. Hành vi của nhóm B, C, D có dấu hiệu của các tội phạm nào?**

Căn cứ vào những [chứng cứ](https://hocluat.vn/wiki/chung-cu/) đã được cung cấp trong đề bài và những căn cứ khác, có thể chỉ ra hành vi của nhóm B, C, D có các dấu hiệu của các tội phạm sau:

**– Một**, Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 79 BLHS), bởi những lẽ sau:  
Về khách thể của tội phạm: hành vi của nhóm B, C, D xâm phạm trực tiếp sự tồn tại của chính quyền nhân dân. Đối tượng tác động ở đây là chính quyền nhân dân xã, huyện mà tổ chức của B, C, D đã có những hoạt động đặt mìn phá trụ sở UBND xã, bao vây UBND xã, huyện, bắn chết một số cán bộ công an xã, huyện.

Về mặt khách quan của tội phạm: “hành vi khách quan của tội phạm được đặc trưng bởi hoạt động thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân”(1). Trong tình huống này, B, C, D đã có những hành động cụ thể như sau để có thể khẳng định hành vi của nhóm B, C, D có dấu hiệu của tội phạm này:

**Thứ nhất**, hoạt động thành lập tổ chức để lật đổ chính quyền nhân dân, thể hiện bằng một số hành vi cụ thể: B, C, D đã lôi kéo, tập hợp người vào tổ chức với động cơ chống chính quyền nhân dân;

**Thứ hai**, đề ra chủ trương, đường lối hoạt động của tổ chức: trước hết B, C, D sẽ liên hệ với nước ngoài để lấy vũ khí, sau đó có vũ khí trong tay tiến hành đặt mìn phá trụ sở UBND xã; bao vây UBND xã, huyện và có hành vi xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của một số cán bộ công an xã, huyện mà tổ chức của B, C, D bao vây.

Về mặt chủ quan của tội phạm: nhóm B, C, D đã cố ý thành lập tổ chức “Vì Dân Chủ và Nhân Quyền” vì đã có động cơ từ trước là chống chính quyền và đã có những hoạt động cụ thể để thực hiện hành vi của mình.

**– Hai**, Tội bạo loạn (Điều 82 BLHS). Bởi lẽ: Về khách thể của tội phạm: hành vi của B, C, D và tổ chức Vì Dân Chủ và Nhân Quyền đã xâm phạm đến sự an toàn(sự vững mạnh) của chính quyền nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân.

Về mặt khách quan của tội phạm: trong tình huống trên, nhóm B, C, D đã có những hoạt động cụ thể: tiến hành hoạt động vũ trang với việc tập hợp đông người( là những thành phần bất mãn với chế độ và một số đối tượng khác) bao vây trụ sở CQNN, lực lượng vũ trang nhân dân để đốt phá, gây nổ, tấn công các CQNN(ở đây là trụ sở UBND xã, huyện), bắn giết cán bộ(giết một số cán bộ công an xã, huyện).

Về mặt chủ quan của tội phạm: nhóm B, C, D thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp: nhận thức được hành vi bao vây UBND xã và bắn giết một số cán bộ; đặt mìn phá trụ sở UBND xã của mình có thể gây nguy hại đến sự vững mạnh, đe dọa đến sự tồn tại của chính quyền nhân dân nhưng vẫn thực hiện. Mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt buộc thể hiện ở việc gây khó khăn cho chính quyền trong việc giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, làm suy yếu chính quyền.

**– Ba**, Tội phá hoại cơ sở vật chất- kĩ thuật của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (Điều 83 BLHS). Bởi những biểu hiện sau: về khách thể của tội phạm: hành vi của nhóm B, C, D xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của [cơ quan nhà nước](https://hocluat.vn/wiki/co-quan-nha-nuoc/), làm hủy hoại cơ sở vật chất kĩ thuật của CNXH: trụ sở cơ quan nhà nước(thông qua việc đặt mìn để phá trụ sở UBND xã, huyện); về mặt khách quan của tội phạm: nhóm B, C, D có hành vi phá hoại cơ sở vật chất kĩ thuật thuộc lĩnh vực chính trị cũng đồng nghĩa với việc đã hủy hoại đi những tài liệu quan trọng thuộc bí mật nhà nước được lưu giữ tại trụ sở UBND xã, huyện thông qua việc đặt mìn phá trụ sở(làm cho các tài sản trong cơ quan nhà nước mất hẳn giá trị sử dụng); về mặt chủ quan: lỗi của nhóm B, C, D là lỗi cố ý trực tiếp nhằm chống chính quyền nhân dân. Khi thực hiện hành vi phá hoại B, C, D nhận thức rõ hành vi đó có thể gây thiệt hại cho cơ sở vật chất, ảnh hưởng đến hoạt động của CQNN nhưng vẫn thực hiện và mong muốn cho thiệt hại đó xảy ra để đặt được mục đích chống chính quyền nhân dân; về chủ thể: là nhóm B, C, D có đủ năng lực chịu TNHS và độ tuổi, do vậy mới có khả năng thực hiện những hành vi đặc thù này.

**– Bốn**, [Tội khủng bố](https://hocluat.vn/wiki/toi-khung-bo/) nhằm chống chính quyền nhân dân(Điều 84 BLHS), bởi vì: Về khách thể của tội phạm: hành vi của nhóm B, C, D đã xâm phạm sự vững mạnh của chính quyền nhân dân thông qua việc đã trực tiếp bắn chết một số cán bộ công an xã, huyện(trực tiếp xâm phạm tính mạng của con người).

Về mặt khách quan của tội phạm: nhóm B, C, D có hành vi xâm phạm đến tính mạng của cán bộ, công chức(giết một số cán bộ, công chức khi bao vây UBND xã, huyện). Đối tượng của hành vi giết cán bộ nhà nước của nhóm B, C, D là những cán bộ công an xã, huyện, là những người tham gia trực tiếp vào các hoạt động [quản lý nhà nước](https://hocluat.vn/quan-ly-nha-nuoc/), quản lý xã hội, hoạt động này của nhóm B, C, D có mục đích là nhằm chống chính quyền nhân dân, có thể nói đây là những hoạt động để phục vụ cho động cơ trực tiếp và chủ yếu là nhằm chống chính quyền nhân dân, là những hoạt động tạo điều kiện thuận lợi cho việc chống chính quyền được diễn ra mà không có sự cản trở bởi bất cứ yếu tố nào.

Về mặt chủ quan của tội phạm: hành vi này của B, C, D được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, có nghĩa là B, C, D nhận thức được hành vi giết cán bộ công an xã, huyện của mình có thể làm cho hoạt động của chính quyền lâm vào bế tắc vì cán bộ cán cốt, nhân lực không đủ để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, quản lý xã hội nhưng vẫn mong muốn cho hậu quả xảy ra(vẫn tiến hành bao vây trụ sở ủy ban, bắn chết một số cán bộ công an xã, huyện).

**2. Theo quan điểm của anh, chị, hãy xác định tội danh của nhóm B, C, D và phân tích rõ cơ sở để định tội cho nhóm B, C, D.**

Căn cứ vào những tình tiết mà đề bài đưa ra cũng như đối chiếu với BLHS, thì có thể khẳng định nhóm B, C, D đã phạm Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân theo quy định tại Điều 79 BLHS. Bởi những lẽ sau đây:

Về mặt khách quan của tội phạm:

B, C, D đã có hành vi thành lập tổ chức chống chính quyền nhân dân theo quy định của BLHS “người nào hoạt động thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, thì…” cụ thể là: B, C, D đã lên vùng núi tập hợp một số thành phần bất mãn với chế độ XHCN đồng thời mua chuộc một số đối tượng thanh niên nhẹ dạ cả tin để lập nên tổ chức Vì Dân Chủ và Nhân Quyền. Ở đây, nhóm B, C, D đã có “những chủ trương, đường lối hoạt động cho tổ chức chống chính quyền nhân dân chuẩn bị được thành lập đó là: có các hành vi tuyên truyền, rủ rê người khác cùng đứng ra thành lập tổ chức”(2) Vì Dân Chủ và Nhân Quyền( là hành vi đã tập hợp được một số thành phần bất mãn với chế độ và mua chuộc được một số đối tượng nhẹ dạ cả tin).

Hoạt động thành lập tổ chức chống chính quyền nhân dân mà B, C, D đã thực hiện là việc do B, C, D cùng thống nhất ý chí, cùng chung mục đích với một số đối tượng khác đứng ra thành lập tổ chức.

B, C, D trong tổ chức đã có những hoạt động: liên hệ với nước ngoài qua mạng Internet để xin vũ khí, tiền bạc tuy nhiên chưa quan hệ được; đặt mìn phá trụ sở UBND xã để gây niềm tin với nước ngoài; bao vây UBND xã, huyện và bắn chết một số cán bộ công an xã, huyện, những hành động này tuy có dấu hiệu của một số tội phạm cụ thể khác nhưng khi xem xét mục đích của những hoạt động này thì không cấu thành những tội độc lập khác mà những hoạt động này là nhằm phục vụ cho mục đích lật đổ chính quyền nhân dân. Bởi lẽ ở đây, hoạt động thứ nhất của B, C, D “không phải là hành vi câu kết với nước ngoài như ở Tội phản bội tổ quốc chỉ là hành vi bàn bạc với nhau tìm cách liên hệ, xin nước ngoài giúp đỡ để hoạt động nhưng chưa thực hiện được, chưa có sự câu kết với nước ngoài”(3) do vậy, đã thỏa mãn CTTP của Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Ở hoạt động thứ hai, B, C, D không phạm Tội bạo loạn, Tội phá hoại cơ sở vật chất kĩ thuật của CNXH, Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân, bởi vì chính hoạt động này không có mục đích là chống chính quyền nhân dân mà hoạt động cụ thể này là do B, C, D thực hiện nhằm mục đích tạo dựng sự tin tưởng đối với nước ngoài để từ đó có thể được các tổ chức nước ngoài tin tưởng mà đồng ý cung cấp vũ khí, tiền bạc cho nhóm B, C, D sử dụng để tiến hành các hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân mà mình đã có động cơ từ trước, cũng là sự phù hợp với ý chí của các đối tượng bất mãn với chế độ XHCN mà B, C, D lôi kéo. Ở hoạt động thứ ba, hành vi của B, C, D trong ý chí của mình không nhằm thông qua đó để chống lại chính quyền mà thông qua đó để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động cụ thể làm thay đổi [chế độ chính trị](https://hocluat.vn/wiki/che-do-chinh-tri/), kinh tế xã hội(lật đổ chính quyền nhân dân).

Về mặt chủ quan của tội phạm:

Lỗi của nhóm B, C, D là lỗi cố ý trực tiếp, B, C, D và những đối tượng khác cố ý cùng tham gia với nhau để thành lập nên tổ chức Vì Dân Chủ và Nhân Quyền với mục đích nhằm lật đổ chính quyền nhân dân thể hiện cụ thể ở chỗ: B, C, D đã có động cơ từ trước, thành lập nên một tổ chức với số lượng thành viên trên 50 người(có tổ chức chặt chẽ) và chính hành vi gây niềm tin với nước ngoài đã chứng minh tổ chức này không chỉ dừng lại ở việc nhằm làm suy yếu chính quyền nhân dân mà cao hơn thế nữa là nhằm lật đổ chính quyền hay nói cách khác nhờ nước ngoài cung cấp cơ sở vật chất để có đủ sức mạnh, tiềm lực làm thay đổi chế độ chính trị, kinh tế xã hội của đất nước. Hơn nữa việc chống lại chính quyền nhân dân chỉ là động cơ còn mục đích rõ ràng ở đây phải là nhằm lật đổ chính quyền nhân dân hay nói cách khác cái cuối cùng mà tổ chức của B, C, D hướng tới ở đây là lật đổ được chính quyền nhân dân.

Về khách thể của tội phạm:

Hành vi của nhóm B, C, D đã trực tiếp xâm phạm tới sự tồn tại của chính quyền nhân dân (bao vây UBND và bắn chết một số cán bộ nhằm làm cho BMNN không còn đủ cơ sở để duy trì hoạt động được).

Về chủ thể của tội phạm:

Trong tình huống trên chủ thể là B, C, D- là những người đã đủ độ tuổi chịu TNHS và không bị mắc các bệnh làm mất khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi thì mới có thể có khả năng thực hiện các hoạt động: lôi kéo các thành phần bất mãn với chế độ; đặt mìn phá trụ sở; liên hệ qua Internet với nước ngoài; bao vây trụ sở ủy ban và giết một số cán bộ nhà nước./.

## ****Tình huống 16: Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản****

A là chủ kiêm lái xe chở xăng dầu. A ký hợp đồng với công ty X vận chuyển dầu chạy máy cho công ty. Sau vài lần vận chuyển, A đã học được thủ đoạn lấy bớt dầu vẫn chuyển của công ty X như sau:

Khi nhận được dầu A chạy xe tới điểm thu mua dầu của B và nhanh chóng rút dầu ra bán cho B mỗi lần 200 lít. Sau đó A đổ đầy nước vào chiếc thùng phuy không mang sẵn đúng 200 lít. Đến địa điểm giao hàng, chiếc xe được cân đúng trọng lượng quy định nên được nhập dầu vào kho. Trong thời gian chờ đợi cân trọng lượng của xe sau khi giao dầu, A đã bí mật đổ hết số nước đã chất lên xe để khi cân chỉ còn đúng trọng lượng của xe.

Bằng thủ đoạn trên A đã nhiều lần lấy dầu được thuê vận chuyển với tổng trị giá là 100 triệu đồng thì bị phát hiện.

**Hỏi:**

1. Anh (chị) hãy xác định tội danh cho hành vi của A?  
2. B có phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ dầu của A không? Nếu có thì tội danh cho hành vi của B là gì?

**Lời giải:**

**1. Anh (chị) hãy xác định tội danh cho hành vi của A?**

**Trường hợp 1:** Hành vi của A cấu thành Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản   (Điều 140 BLHS):

**Điều 140:**

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ một triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới một triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;  
b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a) Có tổ chức;  
b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;  
c) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;  
d) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ trên năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng  
e) Gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;  
b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên;  
b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm và bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này.

Về dấu hiệu pháp lý:

Điều 140 BLHS quy định tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bao gồm 2 trường hợp:

– thứ nhất, bằng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn, chiếm đoạt tài sản của người khác đã được giao cho mình trên cơ sở hợp đồng vay mượn, thuê,…  
– thứ hai, sử dụng tài sản của người khác đã được giao cho mình trên cơ sở hợp đồng vay, mượn, thuê,… vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

\* Chủ thể của tội phạm:

Ngoài những điều kiện về tuổi và phải có năng lực trách nhiệm hình sự, tội này đòi hỏi chủ thể phải là những người đã được chủ tài sản tín nhiệm giao cho khối lượng tài sản nhất định. Cơ sở giao tài sản là hợp đồng, việc giao và nhận tài sản là hoàn toàn ngay thẳng. Chủ tài sản do tín nhiệm đã giao tài sản để người được giao sử dụng, bảo quản, vận chuyển, gia công hoặc sửa chữa,… tài sản.

Trong đề bài đã cho, vì A ký hợp đồng vận chuyển dầu nên A chắc chắn đã có bằng lái ô tô bởi vậy có thể khẳng định rằng A có đủ điều kiện về tuổi và có năng lực trách nhiệm hình sự, Trong đề cũng nêu rõ “A ký hợp đồng với công ty X vận chuyển dầu chạy máy cho công ty”, như vậy A đã được công ty X tín nhiệm, giao cho việc vận chuyển dầu chạy máy. Nếu công ty X là [doanh nghiệp](https://hocluat.vn/wiki/doanh-nghiep/) tư nhân thì A không có trách nhiệm quản lý tài sản, mà chỉ có trách nhiệm vận chuyển, như vậy A không có dấu hiệu chủ thể đặc biệt của tội tham ô đó là có chức vụ, quyền hạn quản lý đối với tài sản được giao.

\* Mặt khách quan của tội phạm:

–  Hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là hành vi chiếm đoạt toàn bộ hay một phần tài sản đã được giao trên cơ sở hợp đồng đã được ký kết giữa chủ tài sản và người có hành vi chiếm đoạt.

Hành vi chiếm đoạt ở đây là những hành vi không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết. Những hành vi đó là những hành vi không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết:

– Không trả lại tài sản bằng thủ đoạn bỏ trốn hoặc bằng thủ đoạn gian dối (như giả tạo bị mất, đánh tráo tài sản rút bớt tài sản,…) hoặc  
– Không trả lại được tài sản do không có khả năng vì đã sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp (như dùng vào việc buôn lậu, buôn bán hàng cấm hay đánh bạc, ….)

Ví dụ như vụ việc xảy ra tại Việt Trì trong khoảng tháng 1 và tháng 2 năm 2008: Xuất phát từ mối quan hệ quen biết giữa Nguyễn Thị Lộc (phố Đoàn

Kết, phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì) với các chị Lê Thị Kiều Vân (phố Thọ Mai, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì)  và Lê Thị Kiều Dung (phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì), trong khoảng thời gian tháng 1 và tháng 2 năm 2008, Nguyễn Thị Lộc đã vay tiền của chị Vân và chị Dung với tổng số tiền là 2,1 tỷ đồng để dùng vào mục đích kinh doanh đóng tàu thủy và làm nhà riêng. Sau khi vay được số tiền trên, Nguyễn Thị Lộc lại không dùng đúng mục đích như cam kết. Vì hám lợi, Nguyễn Thị Lộc lại dùng toàn bộ số tiền trên vào việc đánh bạc với hình thức ghi lô, đề mà Lộc tự nhận là thư ký ghi đề cho một chủ đề ở Hà Nội dẫn đến thua lỗ toàn bộ khoản tiền vay. Lộc đã lạm dụng lòng tin của chị Vân và chị Dung, dùng số tiền vay được vào mục đích bất hợp pháp đó là ghi lô đánh bạc.

Hành vi gian dối của A đã được miêu tả kỹ trong đề bài “Khi nhận được dầu A chạy xe tới điểm thu mua dầu của B và nhanh chóng rút dầu ra bán cho B mỗi lần 200 lít. Sau đó A đổ đầy nước vào chiếc thùng phuy không mang sẵn đúng 200 lít. Đến địa điểm giao hàng, chiếc xe được cân đúng trọng lượng quy định nên được nhập dầu vào kho. Trong thời gian chờ đợi cân trọng lượng của xe sau khi giao dầu, A đã bí mật đổ hết số nước đã chất lên xe để khi cân chỉ còn đúng trọng lượng của xe”.Ban đầu sau khi nhận được dầu thật, A bí mật đem bán,sau đó A đổ nước vào thùng với khối lượng tương đương, đem tới công ty nhập kho,  cuối cùng đổ nước đi và ra khỏi kho dầu.

A đã lợi dụng sự tín nhiệm của công ty X để kiếm lừa dối, chiếm dụng lượng dầu mỗi lần vận chuyển. Giữa A và công ty X đã có hợp đồng vận chuyển “A ký hợp đồng với công ty X vận chuyển dầu chạy máy cho công ty”. A đã có hành vi gian dối, tráo đổi tài sản, cụ thể là đổi dầu bằng nước.

– Đối tượng của hành vi chiếm đoạt:

Đối tượng của hành vi chiếm đoạt trong tội này là những tài sản đã được giao ngay thẳng cho người phạm tội trên cơ sở hợp đồng, trong đề bài đối tượng của hợp đồng chính là 200 lít dầu mỗi lần A được thuê vận chuyển.

– Hậu quả:

Hậu quả của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là thiệt hại về tài sản mà cụ thể là giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Theo khoản 1 Điều 140 – BLHS thì giá trị tài sản bị chiếm đoạt từ 1 triệu đồng trở lên mới cấu thành tội phạm, còn nếu tài sản bị chiếm đoạt dưới 1 triệu đồng thì phải kèm theo điều kiện gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm mới cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Trong đề bài đã cho thì hậu quả của hành vi chiếm đoạt của A đã quá rõ ràng, tổng trị giá tài sản mà A đã chiếm đoạt phi pháp có giá trị là 100 triệu đồng, thỏa mãn  Điểm d- Khoản 2- Điều 140 BLHS “ Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ trên năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng”

\* Khách thể của tội phạm:

Khách thể của tội phạm của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản luôn là tài sản, giống như các tội có tính chất chiếm đoạt khác, tuy nhiên, tội phạm này không xâm phạm đến quan hệ nhân thân mà chỉ xâm phạm đến quan hệ sở hữu, đây là điểm khác biệt so với các tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhắm chiếm đoạt tài sản, tội cướp giật tài sản. Trong cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản không quy định những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe là tình tiết định khung hình phạt. Vì vậy, nếu sau khi đã chiếm đoạt được tài sản mà người phạm tội bị đuổi bắt, có hành vi chống trả để tẩu thoát, gây chết người hay gây thương tích, hoặc tổn hại sức khỏe cho người khác thì tùy trường hợp người phạm tội còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về [tội giết người](https://hocluat.vn/wiki/toi-giet-nguoi/) hoặc tội cố ý gây thương tích, hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Trong bài làm thì khách thể của tội phạm chính là lượng dầu mà A đã chiếm đoạt được sau nhiều lần thực hiện hành vi gian dối, tổng tài sản chiếm đoạt trị giá 100 triệu đồng.

\* Mặt chủ quan của tội phạm:

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý, mục đích của người phạm tội là chiếm đoạt được tài sản, mục đích cũng là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Trong trường hợp đề ra thì lỗi của A là lỗi cố ý trực tiếp. Về lý trí, A nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt dầu máy của công ty X sẽ gây thiệt hại về tài sản cho công ty, thấy trước hậu quả của hành vi chiếm đoạt trên. Về ý chí, A mong muốn hậu quả phát sinh, A mong chiếm được số dầu trên để đem bán kiếm lợi nhuận.

Khi phân tích đề bài rất có thể có sự nhầm lẫn, cho rằng hành vi của A cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vì vậy ở đây em xin phân biệt rõ. Giữa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội lạm dụng chiếm đoạt tài sản có 1 điểm khác nhau cơ bản đó là thời điểm phát sinh ý định chiếm đoạt, nếu như A trước khi ký hợp đồng vận chuyển dầu cho công ty X đã có ý định chiếm đoạt tài sản thì chắc chắn A phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, còn nếu sau khi A có được lượng dầu một cách hợp pháp (thông qua hợp đồng vận chuyển) mới nảy sinh ý định chiếm đoạt thì hành vi của A cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Có thể thấy trong đề nêu rằng “Sau vài lần vận chuyển, A đã học được thủ đoạn lấy bớt dầu vẫn chuyển của công ty X” mặt khác, hợp đồng vận chuyển dầu nhiều lần thì thường là hợp đồng vận chuyển dài hạn, nên ý định phạm tội của A có thể coi là phát sinh sau khi ký được hợp đồng. Tuy nhiên, nếu ý định này phát sinh trước khi ký hợp đồng, hoặc hợp đồng vận chuyển dầu được ký mỗi lần trước khi vận chuyển thì hành vi của A cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về cơ bản thì khung hình phạt của A là không thay đổi “ bị phạt tù từ  2 đến 7 năm”.

***Trường hợp 2:***Hành vi của A cấu thành[*tội tham ô tài sản*](https://hocluat.vn/wiki/toi-tham-o-tai-san/)(Điều 278 – BLHS):

**Điều 278:**

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý có giá trị từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a) Gây hậu quả nghiêm trọng;  
b) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;  
c) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục A Chương này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Có tổ chức;  
b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;  
c) Phạm tội nhiều lần;  
d) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;  
đ) Gây hậu quả nghiêm trọng khác.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;  
b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng khác.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên;  
b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác.

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm, có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Về dấu hiệu pháp lý:

\* Chủ thể của tội phạm:

Chủ thể của tội tham ô là chủ thể đặc biệt: chỉ những người mang dấu hiệu chủ thể đặc biệt đó làm dấu hiệu có chức vụ quyền hạn quản lý tài sản mới có thể là chủ thể của tội này, những người không có chức vụ quyền hạn chỉ có  thể là đồng phạm tham ô với vai trò là người xúi giục, tổ chức hay giúp sức.

Chủ thể của tội tham ô là người có trách nhiệm quản lý tài sản, trách nhiệm này có thể có được do có chức vụ hoặc do đảm nhiệm những chức trách công tác nhất định, trách nhiệm quản lý tài sản cần được phân biệt với trách nhiệm bảo vệ đơn thuần của người làm công việc bảo vệ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã. Người có chức vụ quyền hạn là người do bổ nhiệm,do bầu cử ,do hợp đồng hoặc do hình thức khác có hưởng lương hoặc ko hưởng lưong được giao thực hiện nhiệm vụ nhất định có quyền hạn. Cho nên ở đây A thông qua hợp đồng đã được công ty X giao cho nhiệm vụ và quyền hạn trong việc vận chuyển xăng dầu. A được đảm nhiệm công việc có tính độc lập đó là công việc tạo ra cho ngừoi được giao (tuy ko có trách nhiệm quản lí tài sản) mối quan hệ cũng như trách nhiệm với khối lượng tài sản nhất định trong khoảng thời gian nhất định.Ở đây công ty X đã giao cho anh A một mình vận chuyển chuyển chuyến hàng, ko có người áp tải.(Trong trường hợp những thùng dầu A chở được một cơ quan dùng dây chì buộc lại với nhau thì cơ quan đó mới là người quản lý tài sản, và khi đó A phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như đã nêu ở phần a.1).

Khi A có trách nhiệm quản lý lượng dầu máy thì A là người có [thẩm quyền](https://hocluat.vn/wiki/tham-quyen/), bởi vậy A thỏa mãn dấu hiệu chủ thể đặc biệt của tội tham ô tài sản.

\* Về mặt khách quan:

Người phạm tội có hành vi chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý bằng thủ đoạn lợi dụng chức vụ quyền hạn.

Hành vi phạm tội của tội tham ô trước hết là hành vi chiếm đoạt, đối tượng của hành vi chiếm đoạt là những tài sản mà người phạm tội được giao quển lý, người phạm tội đã lợi dụng trách nhiệm quản lý tài sản được giao mà chiếm đoạt tài sản mình đang quản lý. Người phạm tội tham ô có thể dùng những thủ đoạn khác nhau để chiếm đoạt được tài sản, xét đến cùng thì những thủ đoạn đó thực chất đều là sử dụng chức vụ quyền hạn được giao như phương tiện, điều kiện để có thể dễ dàng biến tài sản được giao thành tài sản của mình.

Trong vụ án đề ra, hành vi của A là hành vi gian dối, với những thủ đoạn đã phân tích như trong phần a.1.

\* Khách thể của tội phạm

Khách thể của tội tham ô tài sản là những quan hệ xã hội xã hội [chủ nghĩa](https://hocluat.vn/wiki/chu-nghia/) đảm bảo sự hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội  là hoạt động theo đúng các quy định của [Hiến pháp](https://hocluat.vn/wiki/hien-phap/) và pháp luật.

Hành vi của A đã

Về mặt chủ quan của tội phạm không có gì khác biệt so với Trường hợp 1

Điểm khác biệt giữa Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Tội tham ô chính là dấu hiệu về chủ thể. Nếu như A có trách nhiệm quản lý tài sản thì hành vi của A cấu thành tội tham ô tài sản.

Hành vi của A thỏa mãn Điểm d Khoản 2 Điều 278 BLHS về tội tham ô tài sản.

**2. B có thể phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ dầu của A.**

Việc B có phải chịu trách nhiệm hình sự hay không thì có thể chia ra những trường hợp như sau:

2.1.Thứ nhất, nếu B hoàn toàn không biết gì về hành vi chiếm đoạt của A, không biết số dầu A bán cho mình là bất hợp pháp, và không có bất kỳ thỏa thuận nào với A thì B không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ dầu của A. Trong cấu thành của mọi vi phạm pháp luật thì yếu tố lỗi là yếu tố không thể thiếu. Lỗi là thái độ tâm lý của con người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra được biểu hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý. Trong trường hợp thứ nhất này, B không hề có lỗi trong việc tiêu thụ dầu của A, hoàn toàn ngay tình, bởi vậy nên B không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ dầu của A.

2.2.Thứ hai, nếu B hoàn toàn biết được số dầu mình mua của A là  do A chiếm đoạt được một cách phi pháp, nhưng giả vờ như không biết,giữa A và B không hề có sự hứa hẹn hay thỏa thuận nào, B do ham lợi vẫn cố tình tiêu thụ dầu thì hành vi của B thỏa mãn cấu thành Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (Điều 250 BLHS)

– Về mặt khách quan của tội phạm, hành vi của B là hành vi tiêu thụ dầu máy mà biết được đó là lượng dầu A chiếm được do phạm tội, tuy nhiên giữa A và B không có bất kỳ sự thỏa thuận nào.

– Về mặt chủ quan, B nhận thức rõ hành vi tiêu thụ dầu máy mà A chiếm đoạt được một cách phi pháp là nguy hiểm cho xã hội, lượng dầu rất lớn (200 lít dầu mỗi lần) nhưng do ham lợi nhuận, B vẫn cố tình tiêu thụ số dầu đó, B nhận thức được rõ ràng hậu quả của hành vi của mình. Lỗi của B là lỗi cố ý.

Như vậy hành vi của B sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 250 BLHS –  Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

2.3.Thứ ba, nếu giữa B và A có sự thỏa thuận trước với nhau (ví dụ như A chiếm đoạt dầu để B tiêu thụ, dầu sẽ được bán cho B với giá thấp hơn giá thị trường 5%, B đảm bảo nguồn cầu cho A,..), A phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì hành vi của B cấu thành Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản Điều 140 – BLHS với vai trò đồng phạm của A.

\* Về mặt khách quan:

– Đồng phạm đòi hỏi có ít nhất 2 người tham gia thực hiện tội phạm và họ có đủ điều kiện chủ thể của tội phạm, cả A và B đều đủ điều kiện chủ thể,

– Những người đồng phạm cùng tham gia thực hiện một tội phạm, với một trong 4 hành vi: thực hiện tội phạm hoặc tổ chức thực hiện tội phạm hoặc xúi giục người khác thực hiện tội phạm hoặc giúp sức người khác thực hiện tội phạm. A và B cùng tham gia thực hiện tội phạm, A lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt dầu máy, B phụ trách tiêu thụ.

\* Về mặt chủ quan:

Cả A và B đều cố ý thực hiện hành vi phạm tội,  A chiếm đoạt, B tiêu thụ giúp, vì giữa hai người đã có sự thỏa thuận với nhau nên họ còn biết và mong muốn sự cố ý tham gia của người đồng phạm kia.

– Về lý trí, A biết rõ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt dầu máy là trái pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội, B cũng biết rõ hành vi tiêu thụ dầu của mình là gây nguy hiểm cho xã hội. Hai người cũng biết rõ hành vi cố ý của người kia.

– Về ý chí, tất nhiên cả hai người này mong muốn có hoạt động chung, và cùng mong muốn để cho hậu quả phát sinh, bởi vì nếu A chiếm đoạt được dầu thì rất  cần có nơi tiêu thụ, B cũng muốn kiếm được thêm tiền vì hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tuy nguy hiểm nhưng chắc chắn đem lại lợi nhuận cao hơn so với bình thường.

Trường hợp đồng phạm của A và B là đồng phạm giản đơn, cả 2 người tham gia với vai trò đồng thực hành nếu phân chia theo dấu hiệu khách quan. Còn nếu chia theo dấu hiệu chủ quan thì trường hợp đồng phạm của họ là đồng phạm có dự mưu, nghĩa là đã có sự bàn bạc, thỏa thuận từ trước để thực hiện hành vi chiếm đoạt và tiêu thụ dầu nhiều lần (tổng trị giá tài sản lên tới 100 triệu).

Đối với trường hợp đồng phạm giản đơn này, theo nguyên tắc chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm, thì A và B đều bị [truy tố](https://hocluat.vn/wiki/truy-to/), xét xử về cùng 1 tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo điểm d khoản 2.

4.4. Thứ tư nếu nếu giữa B và A có sự thỏa thuận trước với nhau, A phạm tội tham ô tài sản, thì hành vi của B cấu thành Tội tham ô tài sản với vai trò đổng phạm.

\* Về mặt chủ quan:

Không có gì khác biệt so với trường hợp thứ ba nêu trên.

\* Về mặt khách quan:

– Đồng phạm đòi hỏi có ít nhất 2 người tham gia thực hiện tội phạm và họ có đủ điều kiện chủ thể của tội phạm, cả A và B đều đủ điều kiện chủ thể,

– Những người đồng phạm cùng tham gia thực hiện một tội phạm, với một trong 4 hành vi: thực hiện tội phạm hoặc tổ chức thực hiện tội phạm hoặc xúi giục người khác thực hiện tội phạm hoặc giúp sức người khác thực hiện tội phạm.

Trong đề bài ra thì A đóng vai trò người thực hành của tội tham ô, hành vi của A là lợi dụng quyền hạn quản lý tài sản bằng hành vi gian dối đã chiếm đoạt lượng dầu với tổng trị giá 100 triệu, còn B đóng vai trò người giúp sức,hành vi của B là tiêu thụ dầu giúp A.

Như vậy B phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tham ô tài sản với vai trò người giúp sức. Ngoài ra B  cũng có thể là người xúi giục hoặc người tổ chức.

## Tình huống 17

Ngày 2/10/2011, Nguyễn Văn H trộm cắp tài sản của người không quen biết (tài sản trị giá 49 triệu đồng – thuộc khoản 1 Điều 138 BLHS) nhưng không bị phát hiện. Ngày 5/10/2012, H lại phạm tội cướp giật tài sản (thuộc khoản 4 Điều 136 BLHS) bị phát hiện và Công an bắt giữ H.

**Câu hỏi:**

1. Các tội phạm mà H đã thực hiện thuộc loại tội phạm nào theo cách phân loại tội phạm tại khoản 3 Điều 8 BLHS.

2. Giả định H thực hiện cả hai tội nêu trên khi mới 17 tuổi thì hình phạt của H có thể phải chịu là bao nhiêu năm tù?

3. Giả định H bị xét xử 2 tội phạm nêu trên. Tội trộm cắp tài sản bị Tòa án tuyên phạt 3 năm cải tạo không giam giữ; tội cướp giật tài sản bị Tòa án tuyên phạt 15 năm tù thì hình phạt mà H còn phải chấp hành cho cả 2 tội này là bao nhiêu? Biết rằng H đã bị [tạm giam](https://hocluat.vn/wiki/tam-giam/) 4 tháng về tội cướp giật tài sản.

4. Giả định H phạm tội cướp giật tài sản bị truy tố theo khoản 1 Điều 136 BLHS và tội trộm cắp như tình huống nêu trên thì H có khả năng được hưởng án treo không? hãy giải thích rõ vì sao?

Tài liệu này chưa đầy đủ…